

**CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM
BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số : 359/18/CBTT-DBT
Về việc công bố thông tin
báo cáo thường niên năm 2017

TP. Bến Tre, ngày 10 tháng 4 năm 2018

Kính gửi : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
2. Mã chứng khoán : DBT
3. Địa chỉ trụ sở chính : số 6A3, quốc lộ 60, phường Phú Tân, Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
4. Văn phòng đại diện tại TPHCM : số 11, đường Nguyễn Trọng Quyền, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP HCM.
5. Điện thoại : 028 3622 0205. Fax : 028 3868 1911.
6. Người được ủy quyền công bố thông tin : Bà Nguyễn Thị Cáp Tiến.
7. Nội dung của thông tin công bố : Báo cáo thường niên năm 2017.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận :

- Như trên ;
- Lưu : TCHC.

**Người đại diện theo pháp luật của Công ty
Tổng Giám đốc**



DS. Võ Minh Lân



CHẤT LƯỢNG - AN TOÀN - HIỆU QUẢ
ĐỂ NGÀY CÀNG THỎA MÃN KHÁCH HÀNG

A photograph of various pills and capsules scattered on a white surface, with a blurred background of pharmacy shelves. The image is partially overlaid by a large blue geometric shape that extends from the top right towards the bottom left.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2017

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC
PHẨM BẾN TRE

DUỐC PHẨM BẾN TRE

— Chất lượng - An toàn - Hiệu quả —



MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG	04	BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	40
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	16	BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	44
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	26	QUẢN TRỊ CÔNG TY	48
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	34	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	54

Giá trị cốt lõi

Giá trị cốt lõi của thương hiệu Bepharco được hình thành dựa trên nền tảng Văn hóa doanh nghiệp và là giá trị xuyên suốt mà Công ty đã gây dựng trong suốt quá trình hoạt động và trưởng thành.

Trải qua những thử thách gian nan và khắc nghiệt trong thời kì kinh tế hội nhập, Bepharco luôn khẳng định chữ “**Tín**” là giá trị to lớn nhất mà công ty cam kết gìn giữ trọn vẹn với mọi khách hàng, mọi đối tác và với tất cả người tiêu dùng.

THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

NGÀNH NGHỀ & ĐỊA BÀN KINH DOANH

NHỮNG THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

CƠ CẤU TỔ CHỨC, BỘ MÁY QUẢN LÝ

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC RỦI RO

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

TÊN CÔNG TY	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
MÃ CHỨNG KHOÁN	DBT
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP SỐ	1300382591 cấp lần đầu ngày 05/07/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 18/04/2017 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp
VỐN ĐIỀU LỆ	123.144.940.000 đồng
VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU	123.144.940.000 đồng
TRỤ SỞ CHÍNH	6A3, Quốc lộ 60, phường Tân Phú, Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre
SỐ ĐIỆN THOẠI	(0275) 390 0059
SỐ FAX	(0275) 382 7467
Email	bepharco.vietnam@bepharco.com
WEBSITE	www.bepharco.com

LOGO Công ty



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Sản phẩm chủ lực của Công ty là thuốc và nguyên liệu làm thuốc. Mạng lưới phân phối của DBT trải rộng trên toàn quốc, với 63 tỉnh thành. Địa bàn phân phối được phân vùng quản lý.



Mạng lưới phủ khắp 63 tỉnh thành

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất, kinh doanh thuốc trị bệnh cho người, thực phẩm chức năng (thực phẩm dinh dưỡng);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng: thuốc thành phẩm, bao bì, nguyên phụ liệu, hương liệu phục vụ sản xuất, hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học;
- Kinh doanh các loại máy móc, trang thiết bị y tế;
- Sản xuất, mua bán nước uống đóng chai, thùng;
- Cho thuê mặt bằng, kho bãi.

DBT Phân phối thuốc đến 661 bệnh viện, 486 công ty, 2.832 quầy thuốc – đại lý thuốc, 3.313 nhà thuốc, 512 phòng khám – phòng mạch, 120 trung tâm y tế. Văn phòng đại diện trực tiếp quản lý công tác xuất nhập khẩu và quản lý công tác bán hàng của 6 chi nhánh:

- Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh: phân phối trên địa bàn 11 tỉnh, gồm TP. Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Long An, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Vũng Tàu, Bình Thuận, Đắk Nông, Lâm Đồng.
- Chi nhánh Hà Nội: phân phối trên địa bàn 20 tỉnh, gồm Hà Nội, Bắc Giang, Hải Dương, Hải Phòng, Lào Cai, Phú Thọ, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Bắc Ninh, Hưng Yên, Sơn La, Vĩnh Phúc, Yên Bái, Hà Giang, Điện Biên, Bắc Kạn, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Lai Châu, Cao Bằng.
- Chi nhánh Đà Nẵng: phân phối trên địa bàn 8 tỉnh, gồm Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Thừa Thiên Huế, Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An.
- Chi nhánh Cần Thơ: phân phối trên địa bàn 10 tỉnh, gồm Cần Thơ, An Giang, Bạc Liêu, Cà Mau, Hậu Giang, Kiên Giang, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Trà Vinh, Vĩnh Long.
- Chi nhánh Khánh Hòa: phân phối trên địa bàn 7 tỉnh gồm Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Định, Đắk Lak, Gia Lai, Kom tum, Ninh Thuận.
- Chi nhánh Ninh Bình: phân phối trên địa bàn 6 tỉnh, gồm Ninh Bình, Nam Định, Thái Bình, Thanh Hóa, Hà Nam, Hòa Bình.

Địa bàn trong tỉnh

Với đầu mỗi phân phối là phòng kinh doanh và 3 hiệu thuốc khu vực, phân phối hàng đến 1.351 đối tượng khách hàng gồm 25 bệnh viện – trung tâm y tế, 3 công ty Dược, 844 đại lý thuốc – quầy thuốc, 107 nhà thuốc, 122 phòng khám – phòng mạch, 115 trạm y tế - tử thuốc, 135 khách hàng khác. Tham gia bán lẻ qua các cửa hàng bán lẻ trực thuộc hiệu thuốc (kể cả các cửa hàng trong bệnh viện).



NHỮNG THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Trong nhiều năm qua, Bepharco đã vinh dự nhận được nhiều bằng khen, giải thưởng bình chọn, cúp chứng nhận từ Nhà nước, các bộ ngành và địa phương, cụ thể như sau:

- Huân chương lao động hạng 3 năm 1987- Chủ tịch nước;
- Huân chương lao động hạng 2 năm 1992- Chủ tịch nước;
- Huân chương lao động hạng 1 năm 1997- Chủ tịch nước;
- Giải thưởng chất lượng Việt Nam năm 2005, 2008 - Bộ khoa học và Công nghệ;
- Doanh nghiệp Việt nam uy tín - chất lượng (Trust brand) năm 2006, 2007, 2008 - Báo thông tin thương mại (Bộ thương mại) - Vietnaminterprise;
- Đơn vị thi đua xuất sắc năm 2006, 2008 – UBND tỉnh Bến Tre;
- Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua năm 2006 – Chính phủ;
- Đơn vị xuất sắc nhất trong phong trào "Xanh, sạch, đẹp. Bảo đảm an toàn vệ sinh lao động" năm 2005 – Tổng LĐLĐ Việt Nam;
- Đơn vị đạt giải nhì khối thi đua năm 2010 – UBND tỉnh Bến Tre; Bằng khen của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam – Với thành tích đã thực hiện tốt chính sách BHXH, BHYT năm 2015 và 2016;
- Giấy khen của Chủ tịch UBND TP Bến Tre với thành tích tích cực hỗ trợ, giúp đỡ cho người nghèo trên địa bàn TP Bến Tre năm 2013;
- Được Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội tôn vinh Là một trong 30 doanh nghiệp minh bạch nhất HNX năm 2015 - 2016.
- Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2017

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Năm 1983, Xí nghiệp Liên hợp Dược Bến Tre được thành lập trên cơ sở hợp nhất hai doanh nghiệp là Công ty Dược phẩm tỉnh Bến Tre (được thành lập năm 1976) và Xí nghiệp Dược phẩm tỉnh Bến Tre (được thành lập năm 1978). Đến năm 1992, Xí nghiệp Liên hợp Dược Bến Tre được đổi tên thành Công ty Dược & Vật tư Y tế Bến Tre – Bepharco. Khi đó Công ty Dược & Vật tư Y tế Bến Tre - Bepharco chỉ có số vốn kinh doanh ban đầu là 5,58 tỷ đồng và có nhiệm vụ chính là sản xuất kinh doanh dược phẩm, vật tư y tế.

2004

Công ty được Dược & Vật tư Y tế Bến Tre - Bepharco chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần. Vốn điều lệ của Công ty lúc cổ phần hoá là 20 tỷ đồng (tương đương 2 triệu cổ phần), trong đó, nhà nước chiếm cổ phần chi phối (51% vốn) bằng việc sở hữu 1,02 triệu cổ phần.

2007

Công ty phát hành thêm 1 triệu cổ phần (mệnh giá 10.000đ/cổ phần) theo giấy phép phát hành số 159/UBCK-GCN do Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp ngày 30/08/2007.

2009

Cổ phiếu của Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre (Bepharco) chính thức được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, với mã chứng khoán là DBT (theo quyết định niêm yết số 657/QĐ-SGDHN do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ký ngày 13/10/2009)

2013

Giảm tỷ lệ sở hữu của cổ đông Nhà nước từ 51% xuống còn 34%.

2014

Tăng vốn điều lệ lên 69,9 tỷ đồng từ việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu. Tháng 12/2014: Cổ đông Nhà nước và các cổ đông lớn khác thực hiện thoái vốn tại DBT.

2015

Tăng vốn điều lệ lên 76.998.080.000 đồng từ việc phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức lần 2 năm 2014.

2016

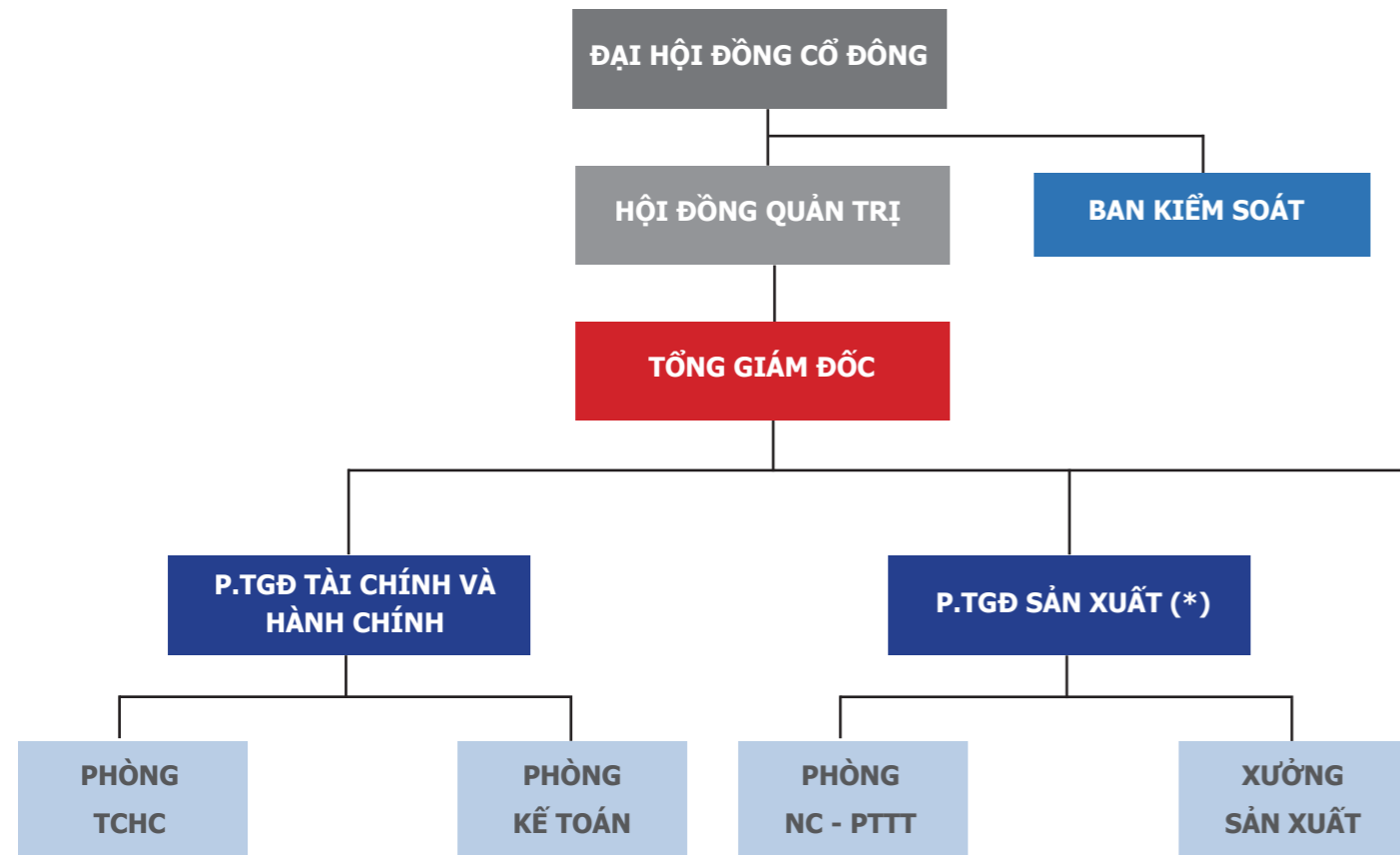
Công ty huy động vốn bằng việc phát hành thêm 4.614.686 cổ phiếu. Số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2017

Hoàn tất việc đầu tư vào 02 Công ty con là Biopharco và Ypharco, đưa 02 nhóm hàng mới vào Công ty triển khai phân phối độc quyền 02 nhóm hàng của Công ty con theo định hướng phát triển lâu dài của Công ty trong chuỗi giá trị ngành dược, bao gồm nhóm đông dược và sinh phẩm.

Tiếp tục mục tiêu đầu tư mở rộng phát triển chuỗi giá trị ngành dược chiều sâu và rộng, cũng như tăng cường hợp tác sản xuất, kinh doanh với các đối tác nước ngoài.

CƠ CẤU TỔ CHỨC, BỘ MÁY QUẢN LÝ



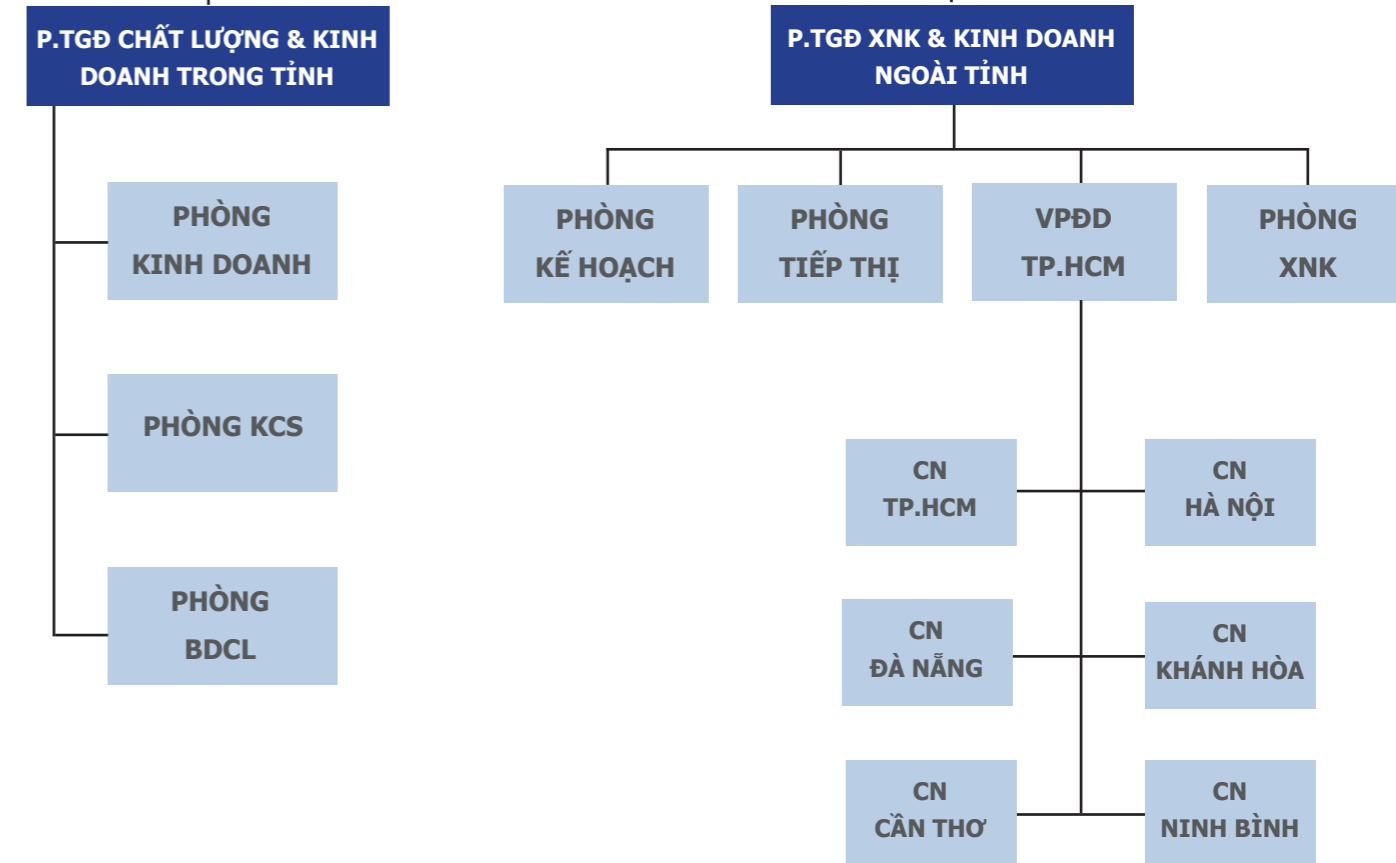
Công ty con

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	TỶ LỆ LỢI ÍCH	TỶ LỆ QUYỀN BIỂU QUYẾT
01	(**) CTCP Dược phẩm OC	Số 11 Nguyễn Trọng Quyền, P Tân Thới Hòa, Q Tân Phú, Tp. HCM	100%	51,00%
02	CTCP Dược phẩm Yên Bái	Số 725 Đường Yên Ninh, P. Minh Tân, Tp. Yên Bái, Tỉnh Yên Bái	51,85%	51,85%
03	CTCP Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	Số 26 Hàn Thuyên, Tp. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	51%	51%

(**): Mặc dù quyền biểu quyết của Công ty trong Công ty Cổ phần Dược phẩm OC là 51% nhưng do các cổ đông khác chưa góp vốn nên tỷ lệ lợi ích trong Công ty Cổ phần Dược phẩm OC cuối năm là 100%.

Công ty liên kết

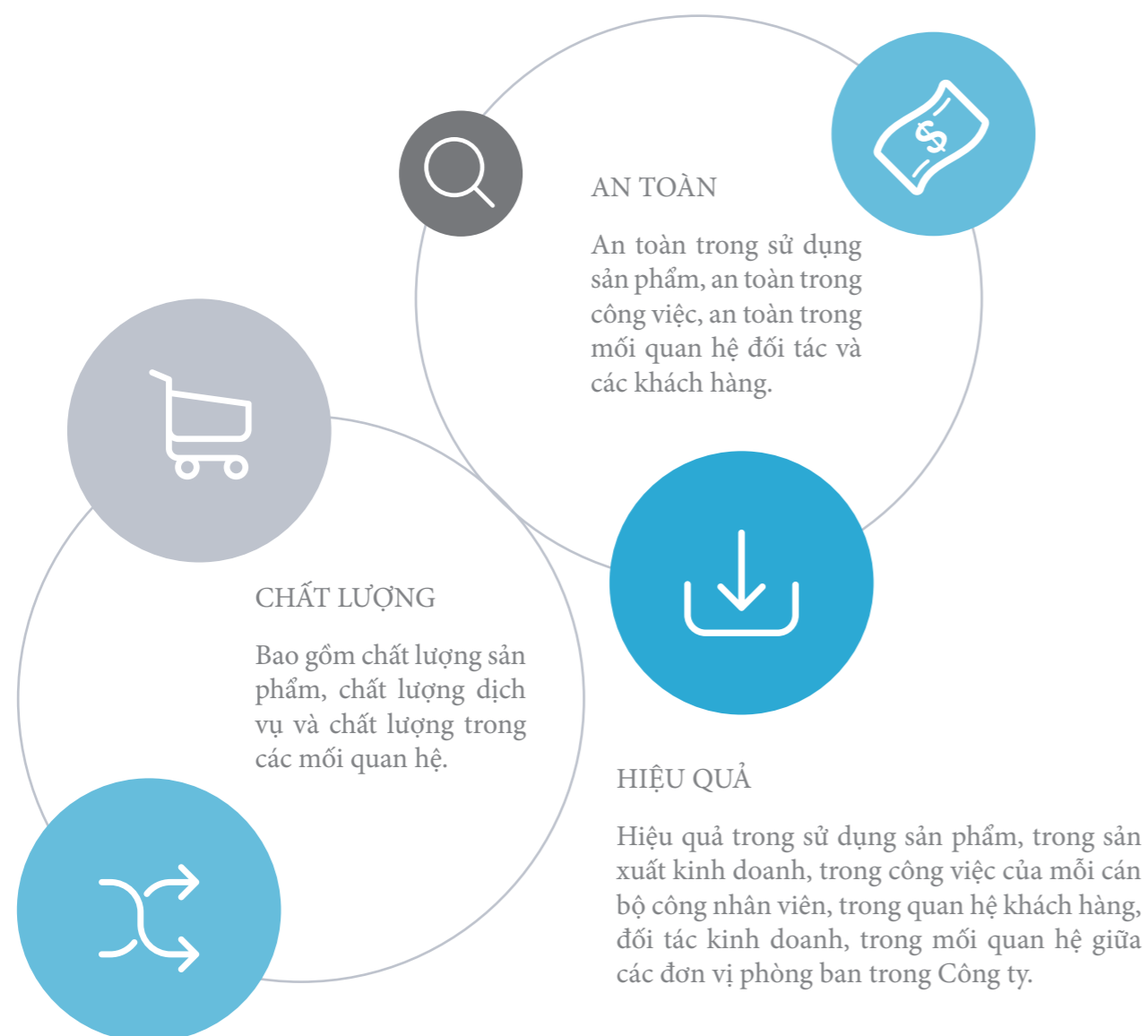
STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	TỶ LỆ	TỶ LỆ QUYỀN BIỂU QUYẾT
01	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Số 334 Đường Tô Hiến Thành, P. 14, Tp. Hồ Chí Minh	23,14%	23,14%



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Tiếp tục phát triển với mục tiêu “CHẤT LƯỢNG – AN TOÀN – HIỆU QUẢ”
- Tăng cường công tác đầu tư vào các doanh nghiệp trong ngành có chuỗi cung ứng đảm bảo nhằm đa dạng hoá các sản phẩm của Bepharco.
- Cải tiến các sản phẩm cho phù hợp với thị trường. Nghiên cứu cho ra những sản phẩm mới có chất lượng và đảm bảo sức khoẻ cho mọi người.
- Xây dựng một đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao và chuyên nghiệp. Giữ vững ổn định mạng lưới bán lẻ trong nhiều tỉnh nhằm đến gần người tiêu dùng hơn với mục tiêu trở thành nhà phân phối lớn và uy tín. Bên cạnh đó, phải kiểm soát tốt chi phí để xây dựng cơ cấu giá thành hợp lý, tăng sức mạnh cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.



Chiến lược phát triển trung và dài hạn



- Trẻ hoá đội ngũ cán bộ lãnh đạo có năng lực quản lý tốt, có tài có đức và yêu nghề. Tuyển dụng, đào tạo đội ngũ công nhân lành nghề, nắm vững và thực hành tốt các tiêu chuẩn quốc tế về ngành dược.
- Có chính sách lương, thưởng hợp lý góp phần thu hút và giữ nhân tài, kích thích sáng tạo ý tưởng mới nhằm đẩy mạnh hiệu quả kinh doanh, tiết kiệm chi phí,... mở rộng thị phần và tăng lợi nhuận cho Công ty.
- Tìm kiếm thêm đối tác chiến lược trong và ngoài nước. Bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Nâng cao giá trị thương hiệu thông qua việc mở rộng thị phần trong nước, tận dụng và khai thác lợi thế của các hệ thống phân phối. Tối thiểu hoá chi phí bằng việc tận dụng nguồn lực sẵn có về công nghệ, nhân công, thị trường để sản xuất những sản phẩm thuốc có giá thành rẻ nhưng vẫn đảm bảo được chất lượng nhằm phục vụ cho những khách hàng bình dân.
- Tập trung vào mục tiêu hướng đến thị trường tiềm năng của những thuốc chuyên khoa đặc trị có giá trị cao, thực phẩm chức năng, thiết bị y tế để phục vụ trực tiếp trong các cơ sở điều trị.
- Cơ sở vật chất phải được đảm bảo đáp ứng tốt nhất cho dự trữ, bảo quản và phân phối theo các tiêu chuẩn của ngành dược, nhằm mục đích thực hiện việc phân phối một cách chuyên nghiệp, nhanh chóng, kịp thời và đầy đủ.
- Đảm bảo nguồn tài chính phục vụ cho các mục tiêu. Xây dựng chiến lược cạnh tranh về giá trên cơ sở đảm bảo kế hoạch lợi nhuận cho từng thời kỳ nhưng tuân thủ tiêu chí khai thác thị trường một cách lâu dài, bền vững.



Mục tiêu đối với môi trường và xã hội

- Tuân thủ nghiêm ngặt về yêu cầu bảo vệ môi trường trong quá trình kinh doanh, chú trọng phòng chống cháy nổ, xử lý nguồn nước thải theo đúng tiêu chuẩn của ngành và luật pháp Việt Nam.
- Công ty luôn quan tâm công tác chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, tạo môi trường làm việc năng động, sáng tạo để người lao động phát huy thể mạnh của bản thân góp phần vào sự thành công chung của DBT. Hơn thế nữa, Công ty hàng năm còn trích ra một phần lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh để thực hiện các công tác xã hội, hưởng ứng các phong trào đền ơn đáp nghĩa, quyên góp ủng hộ các hộ nghèo, gia đình gặp khó khăn, thiên tai do bão lũ gây ra,...

CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Hoạt động sản xuất của một doanh nghiệp không chỉ chịu sự tác động từ những yếu tố bên trong mà còn chịu sự ảnh hưởng từ những yếu tố môi trường bên ngoài doanh nghiệp như: sự tăng trưởng của nền kinh tế, lạm phát, các chính sách lãi suất,... Trong năm 2017, kinh tế thế giới tiếp tục đà phục hồi, hoạt động đầu tư, thương mại toàn cầu có xu hướng cải thiện rõ rệt. Các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Liên minh Châu Âu đạt mức tăng trưởng khả quan. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong năm 2017 đạt 6,81%, trong đó quý I tăng 5,15%; quý II tăng 6,28%; quý III tăng 7,46%; quý IV tăng 7,65%. Mức tăng trưởng năm nay vượt mục tiêu đề ra 6,7% và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011-2016.

Một điểm sáng mới trong nền kinh tế khi năm 2017 đạt kỉ lục với mốc 126.859 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng vốn đăng ký là 1.295,9 nghìn tỷ đồng, điều này có thể được lý giải bởi môi trường kinh doanh trong những năm qua đã xuất hiện nhiều điều kiện thuận lợi chính vì thế hoạt động giao thương được phục hồi và củng cố phát triển. Năm qua cũng được xem là thành công trong việc kiểm soát lạm phát, khi chỉ số CPI bình quân năm 2017 tăng 3,53% so với bình quân năm 2016. Nền kinh tế càng phát triển, chất lượng cuộc sống của người dân ngày càng được cải thiện, nâng cao, nhu cầu về chăm sóc sức khỏe được quan tâm, chú trọng hơn và trở thành nhu cầu không thể thiếu của con người. Điều này sẽ tạo ra nhiều cơ hội phát triển hơn nữa cho ngành dược trong tương lai.



Rủi ro về môi trường



Ngoài việc thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan đến ngành nghề kinh doanh, Công ty còn chịu sự chi phối của Luật Bảo vệ Môi trường. Những hoạt động sản xuất, kinh doanh, xử lý chất thải tránh gây ô nhiễm môi trường luôn được Công ty đặt lên hàng đầu. Là một công ty hoạt động trong ngành Dược phẩm sứ mệnh của Bepharco mang lại sức khỏe cho cộng đồng và xã hội, vì vậy Công ty luôn ý thức về vấn đề bảo vệ môi trường trong sạch, lành mạnh. Chấp hành Luật Bảo vệ Môi trường là một trong ưu tiên hàng đầu của Công ty.



Rủi ro sản phẩm

Dược phẩm là một loại hàng hóa đặc thù liên quan đến sức khỏe và tính mạng của con người. Những năm gần đây, ngành Dược phẩm Việt Nam đang đối mặt với việc hàng nhái, hàng kém chất lượng, làm giả nhãn mác các thương hiệu nổi tiếng xuất hiện tràn lan trên thị trường làm hoang mang cho người tiêu dùng và gây thiệt hại lớn đến uy tín, doanh số của các doanh nghiệp trong ngành. Vì vậy trong những năm tiếp theo, mục tiêu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre là tiếp tục cố gắng hoàn thiện quy trình đóng gói, tem chống giả và bộ nhận diện thương hiệu, đảm bảo an toàn và chất lượng sử dụng cho người tiêu dùng.



Rủi ro tỷ giá

Hoạt động kinh doanh của Bepharco chịu tác động bởi biến động tỷ giá trên thị trường. Nguyên liệu đầu vào cho quá trình sản xuất cũng như các sản phẩm thuốc khác cho hoạt động kinh doanh thương mại đều được nhập khẩu từ nước ngoài. Khi tỷ giá biến động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng trực tiếp. Do đó, Bepharco đã tiến hành theo dõi các diễn biến tỷ giá, nhằm đánh giá, dự đoán quy luật, để có thể hạn chế đến mức tối đa những biến động, gây ảnh hưởng xấu đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Rủi ro cạnh tranh

Việc thực hiện các Hiệp định thương mại tự do (FTA) và hình thành Cộng đồng ASEAN sẽ mở ra cơ hội và không gian phát triển rộng lớn hơn, nhưng thách thức cũng lớn hơn đối với các doanh nghiệp ngành dược. Tiến trình này sẽ thu hút mạnh các nhà đầu tư ngoại tham gia vào nền kinh tế, tạo nên sự đa dạng trong cả cung và cầu, song song đó là sự cạnh tranh mạnh mẽ do hội nhập mang lại, nhất là cạnh tranh ngày càng gay gắt ngay cả trên thị trường trong nước.

Mặc dù hiện nay, kênh phân phối của Bepharco đã trải rộng khắp cả nước, tuy nhiên mức độ cạnh tranh trong những năm tới có thể gia tăng do các doanh nghiệp với nguồn tài chính ổn định như: Dược Hậu Giang, Pymepharco, Trapharco... đang đẩy mạnh mở rộng các hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm chiếm lĩnh thị trường dược cả trong và ngoài nước. Trong bối cảnh đó, Bepharco sẽ tiếp tục củng cố mối quan hệ với các kênh phân phối, xây dựng chiến lược phát triển thương hiệu, xây dựng đội ngũ nhân viên tư vấn thuốc trực tiếp đến người tiêu dùng để cạnh tranh trực tiếp với các doanh nghiệp trong ngành.

Rủi ro phát luật

Ngành dược là một trong những ngành nhạy cảm chịu tác động bởi sự quản lý của Nhà nước. Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản pháp lý để quản lý ngành Dược bao gồm các chính sách về lĩnh vực dược, quản lý về danh mục thuốc được kiểm soát đặc biệt, tiêu chuẩn chất lượng thuốc, cơ sở kiểm nghiệm thuốc, giá bán thuốc, điều kiện kinh doanh thuốc,...

Hệ thống luật pháp của Việt Nam đang trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện. Nếu công ty không cập nhật và áp dụng kịp thời thì rủi ro pháp lý trong công ty ngày càng tăng do việc thực hiện chưa đúng các quy định của pháp luật. Cụ thể như rủi ro pháp lý trong lĩnh vực quản trị công ty, thuế, sở hữu trí tuệ, hoạt động mang tính đặc thù riêng của ngành dược như việc đấu thầu thuốc vào hệ thống bệnh viện.

Các rủi ro pháp lý sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty gây ra những tác động bất lợi trong việc thực hiện mục tiêu chiến lược của công ty. Việc bán hàng vào hệ thống bệnh viện sẽ gặp khó khăn.

Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro nêu trên trong quá trình hoạt động Công ty còn đối mặt với những rủi ro mang tính khách quan khác như: rủi ro thiên tai, hỏa hoạn... mà hậu quả sẽ gây ra thiệt hại lớn đến hiệu quả kinh doanh của Bepharco.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
- TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN
- TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
- CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU



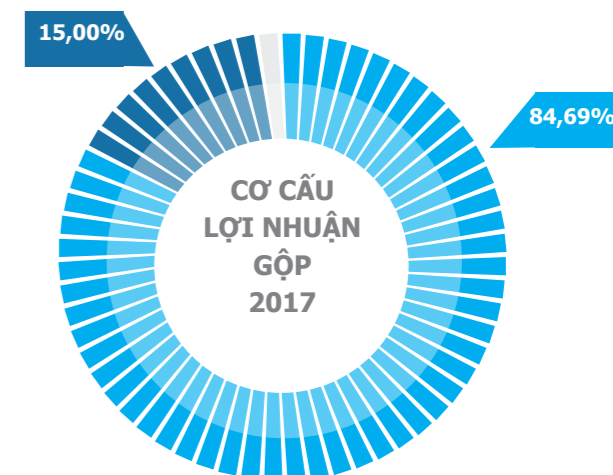
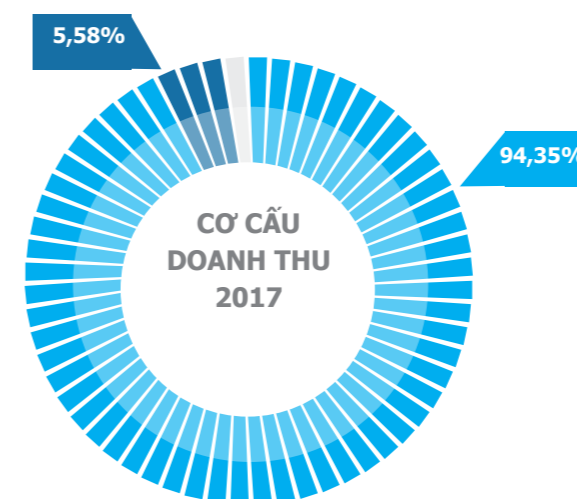
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Cơ cấu doanh thu

Khoản mục	ĐVT	Năm 2016		Năm 2017	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu bán hàng hóa	Triệu đồng	573.864	98,09%	763.894	94,35%
Doanh thu bán thành phẩm	Triệu đồng	8.461	1,45%	45.169	5,58%
Doanh thu dịch vụ	Triệu đồng	35	0,01%	90	0,01%
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	Triệu đồng	25	-	491	0,06%
Doanh thu khác	Triệu đồng	2.672	0,46%	-	-
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	585.057	100%	809.644	100%

Cơ cấu lợi nhuận gộp

Khoản mục	ĐVT	Năm 2016		Năm 2017	
		Giá trị	Biên lợi nhuận gộp	Giá trị	Biên lợi nhuận gộp
Lãi gộp từ bán hàng hóa	Triệu đồng	132.927	23,16%	157.427	20,61%
Lãi gộp từ bán thành phẩm	Triệu đồng	4.945	58,44%	27.882	61,73%
Lãi gộp khác	Triệu đồng	2.732	100%	581	100%
Tổng Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	140.603	24,03%	185.890	22,96%



■ Doanh thu Bán hàng hóa
■ Doanh thu Bán thành phẩm
■ Doanh thu dịch vụ, Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và Doanh thu khác

■ Lãi gộp từ bán hàng hóa
■ Lãi gộp từ bán thành phẩm
■ Lãi gộp khác

Trong năm 2017, cơ cấu doanh thu thuần được cấu thành từ bốn hoạt động chính: bán hàng hoá, bán thành phẩm và dịch vụ uỷ thác và cho thuê Bất động sản đầu tư. Trong đó, doanh thu về bán hàng hoá chiếm tỷ trọng chủ yếu với 94,35% tương đương đạt 763,894 tỷ đồng. Trong năm qua, với chiến lược tăng cường mở rộng phát triển thị phần kinh doanh, Doanh thu bán hàng của DBT có sự tăng trưởng vượt bậc đạt 809.644 tỷ đồng tăng 38,39% so với năm 2016. Bên cạnh đó, việc nâng tỷ lệ sở hữu tại CTCP Dược phẩm Yên Bái (Ypharco) từ 51,84% lên 53,53% và hoàn tất việc tăng tỷ lệ sở hữu tại CTCP Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang (Biopharco), đưa Biopharco trở thành công ty con của mình, giúp Bepharco là đơn vị độc quyền phân phối những sản phẩm chính của của Biopharco và toàn bộ sản phẩm của Ypharco. Những thay đổi trong cơ cấu sở hữu giúp doanh thu từ mảng kinh doanh thành phẩm của Bepharco tăng mạnh 433,87% so với năm 2016 đạt 45,169 tỷ đồng và chiếm 5,58% trong cơ cấu doanh thu của Công ty.

Trong năm 2017, tình hình kinh tế chính trị tương đối ổn định, lạm phát được kiểm soát tốt. Tuy nhiên những biến động trong tỷ ngoại tệ làm giá vốn hàng bán của mặt hàng mà DBT nhập khẩu từ nước ngoài tăng mạnh, lợi nhuận gộp của Công ty đạt 185,89 tỷ đồng tăng 32,21% so với năm 2016 nhỏ hơn so với tốc độ tăng trưởng của doanh thu 38,39%. Trong đó lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh từ bán hàng hóa tăng 18,43%, lợi nhuận gộp từ mảng bán thành phẩm tăng mạnh đến 463,89% so với năm 2016.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Trong năm qua Công ty đã hoàn thành mục tiêu mở rộng mạng lưới kinh doanh vào ngành Dược, thông qua việc hoàn tất việc đầu tư chiến lược, cũng như nắm giữ tỷ lệ chi phối tại 02 Công ty con, nhằm hoàn thiện việc đầu tư trong chuỗi giá trị ngành Dược bao gồm sản xuất và phân phối, cụ thể :

Đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết :

- Nâng tỷ lệ sở hữu tại CTCP Dược phẩm Yên Bái (Ypharco) từ 51,84% lên 53,53%.
- Hoàn tất việc tăng tỷ lệ sở hữu tại CTCP Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang (Biopharco).
- Tiếp tục duy trì tỷ lệ sở hữu cổ phần tại CTCP Dược phẩm Trung ương Codupha.

Đầu tư vào các lĩnh vực khác:

- Hoàn tất việc thoái vốn tại CTCP Sản xuất và Thương mại Phương Đông nhằm thu hồi vốn để phục vụ cho hoạt động kinh doanh chính trong ngành.

Đầu tư dự án:

- Cơ cấu triển khai đầu tư xây dựng nhà kho và văn phòng mới tại quận Tân Phú.

Thông tin Công ty con của Bepharco



Công ty cổ phần Dược phẩm Yên Bái (Ypharco)

Địa chỉ: Số 725 - Đường Yên Ninh - Thành phố Yên Bái - Tỉnh Yên Bái.

Điện thoại: (0216) 3852 523.

Fax: (0216) 3850 364.

Website: www.ypharco.com

Email: ypharco@ypharco.com.



Công ty cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang (Biopharco)

Địa chỉ: 26 Hàn Thuyên, P. Xương Huân, Tp. Nha Trang, T. Khánh Hòa

Điện thoại: (258) 382 8134

Fax: (258) 382 8135

Website: www.biopharco2.com.vn

Email: biopharco@dng.vnn.vn

Công ty cổ phần Dược phẩm OC

Địa chỉ: 436B/76, Đường 3/2, P. 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	531.854	617.043	16,02%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	580.517	800.114	37,83%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	26.965	16.919	(37,25%)
Thu nhập khác	Triệu đồng	3.577	21.976	514,41%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	30.539	34.822	14,03%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	24.017	28.246	17,61%

Năm qua, Tổng giá trị tài sản tăng 11,16% so với năm 2016. Cơ cấu tài sản không có sự thay đổi nhiều khi tài sản ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng chủ yếu và tăng 16,97% % so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu thuần trong năm đạt 800,113 tỷ đồng, tăng 37,83% so với cùng kỳ năm trước, nhưng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh lại giảm đi 37,25% chủ yếu do giá vốn và các chi phí tăng tăng. Trong đó, do ảnh hưởng của tỷ giá ngoại tệ, làm tăng giá vốn đầu vào. Bên cạnh đó Công ty đang trong giai đoạn triển khai 02 nhóm hàng mới, chi phí cho hoạt động quảng bá sản phẩm như chi phí khuyến mãi, chi phí marketing tăng cao làm ảnh hưởng đến kết quả lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên chỉ tiêu về lợi nhuận trước thuế của DBT cũng có sự tăng trưởng 14,03% đến từ khoản nhượng bán tài sản cố định.

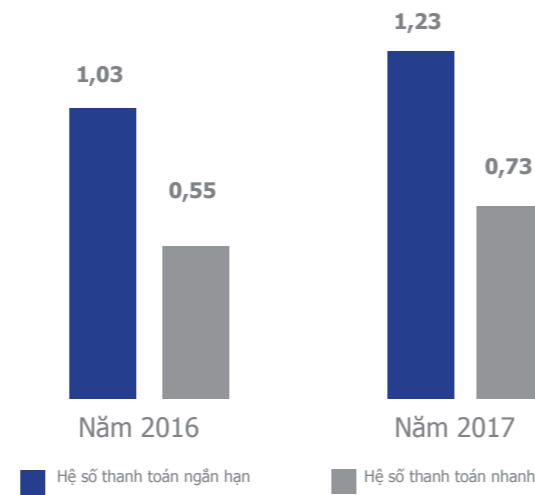
Một số chỉ tiêu tài chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,03	1,23
-	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,55	0,73
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
-	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	70,05	59,43
-	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	233,94	146,50
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
-	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2,40	3,42
-	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	1,18	1,39
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	4,14	3,53
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	17,59	13,79
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	4,89	4,92
-	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	4,64	2,11

Khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh năm 2017 đều có sự gia tăng so với năm trước. Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 1,03 lần lên 1,23 lần, hệ số thanh toán nhanh tăng mạnh từ 0,55 lần lên 0,73 lần. Trong năm, Công ty đã không ngừng cải thiện chính sách bán hàng hợp lý, đa dạng hóa các nguồn hàng làm cho sản lượng bán hàng của Công ty ngày càng tăng, khoản mục các khoản phải thu tăng 13,30% lên 157,849 tỷ. Trong khi đó, nợ ngắn hạn của DBT có sự sụt giảm nhẹ chủ yếu do các khoản phải trả người bán giảm 12,69% xuống chỉ còn 129,649 tỷ đồng. Nhìn chung hệ số thanh toán của DBT vẫn luôn giữ được mức an toàn. Bên cạnh đó, công ty luôn duy trì được mức tiền mặt khá an toàn giúp công ty chủ động hơn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình.

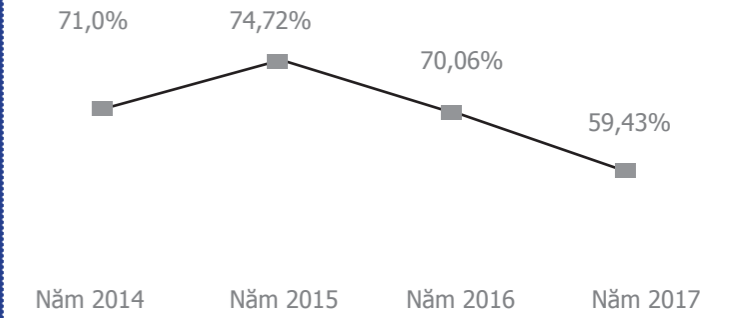
KHẢ NĂNG THANH TOÁN



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Công ty đang có xu hướng không sử dụng quá nhiều đòn bẩy tài chính, thể hiện ở việc tỷ trọng nợ trên tổng tài sản giảm dần trong năm qua. Cơ cấu nợ trên tổng tài sản giảm còn 59,43% và nợ trên vốn chủ sở hữu còn 146,50% trong đó chủ yếu là các khoản nợ ngắn hạn. Chính sách giảm tỷ lệ nợ trên tổng tài sản dưới 60% như hiện tại sẽ góp phần giảm thiểu áp lực trả nợ và lãi vay cho công ty.

HỆ SỐ NỢ/TỔNG TÀI SẢN

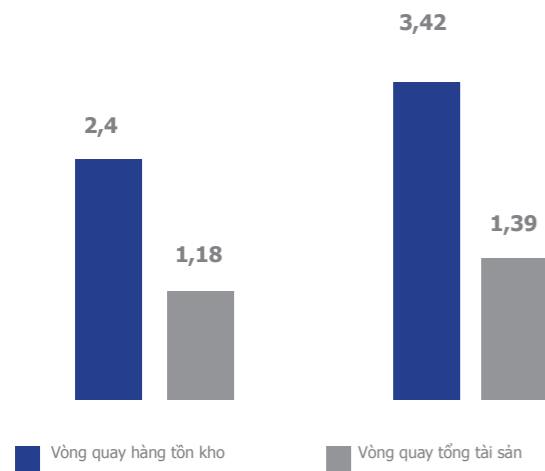


Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Các hệ số khả năng sinh lời của công ty đã có sự sụt giảm nhẹ so với năm 2016, nguyên nhân chủ yếu do lợi nhuận gộp và lợi nhuận sau thuế đã tăng lên với tỷ lệ thấp hơn so với sự tăng trưởng doanh thu, bên cạnh đó, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh giảm 37,25% so với cùng kỳ do giá vốn và các khoản chi phí trong năm của Công ty tăng lên đáng kể.

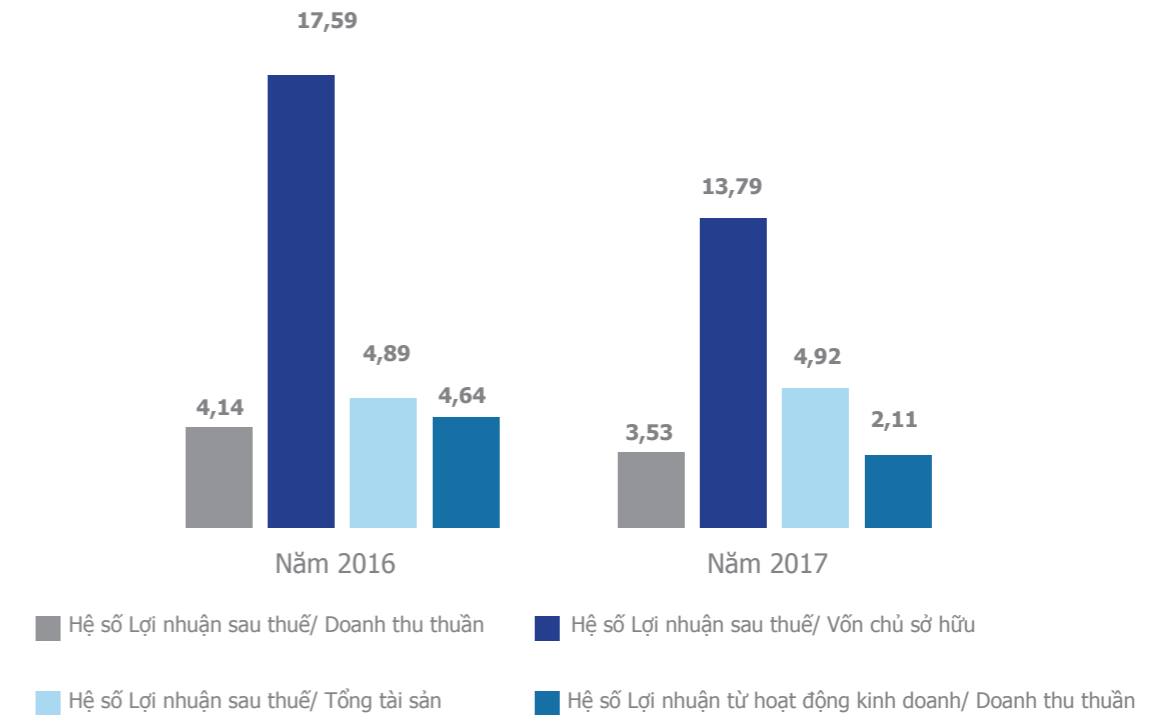
Nhìn chung năm 2017 vẫn là một năm thành công của Công ty với sản lượng bán hàng và doanh thu tăng đột biến. Tuy nhiên để có sự tăng trưởng ổn định trong những năm tới, Công ty sẽ có những chiến lược nhằm cắt giảm chi phí, cũng như tăng cường hiệu quả các mảng hoạt động về đầu tư của mình.

KHẢ NĂNG VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



Chỉ tiêu về Năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho tăng so với năm trước từ mức 2,4 lần lên 3,42 lần. Trong năm giá vốn hàng bán cũng đã tăng với tỷ lệ cao 39,62% so với năm 2016 trong khi hàng tồn kho chỉ tăng nhẹ 0,83%. Trong khi đó sự gia tăng của cả tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn đã làm tổng tài sản tăng thêm đáng kể, mặc dù vậy tốc độ tăng của Tổng tài sản vẫn nhỏ hơn tốc độ tăng trưởng doanh thu thuần, điều này đã làm vòng quay tổng tài sản tăng từ 1,18 lên 1,39 lần. Như vậy, các hệ số phản ánh khả năng hoạt động của Bephaco không có sự biến động lớn so với năm trước, nhưng vẫn có sự chuyển biến tích cực.



HỆ SỐ VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ phần

Vốn điều lệ: 123.144.940.000 đồng

Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 12.314.494 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông: 12.314.494 cổ phiếu

Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 12.314.494 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông tại ngày 22/03/2017

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cp nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Cổ đông trong nước	593	11.923.915	96,83%
	- Tổ Chức	10	6.408.418	50,44%
	- Cá nhân	583	5.515.497	43,41%
2	Cổ đông nước ngoài	26	390.579	3,17%
	- Tổ chức	8	169.055	1,33%
	- Cá nhân	18	221.524	1,74%
	Tổng cộng	619	12.314.494	100%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

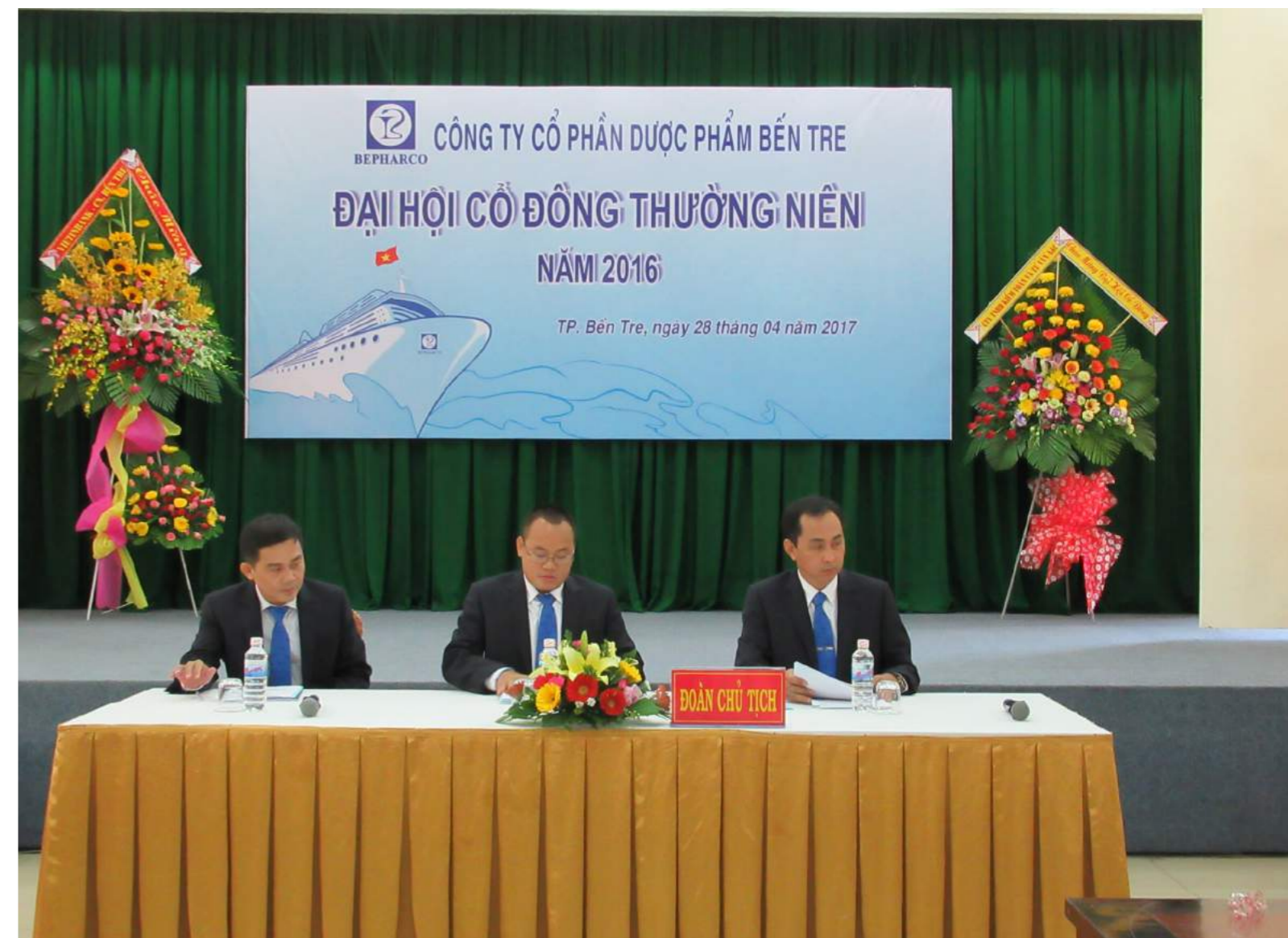
Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/17/NQ-ĐHCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2017, trong năm 2017 công ty đã phát hành 1.154.857 cổ phiếu với tổng trị giá 11.548.570.000 đồng để chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 20:3. Đồng thời Công ty đã phát hành thêm 3.459.829 cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông hiện hữu và các đối tác tiềm năng để bổ sung nguồn vốn kinh doanh. Nâng vốn điều lệ từ 76.998.080.000 đồng lên 123.144.940.000 đồng.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Trong năm 2017, Công ty không thực hiện mua lại cổ phiếu quỹ.

Các chứng khoán khác

Không có



ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM QUANG VINH MUÔN NĂM !

"ĐẢNG TA
MỘT ĐẢNG CẢM QUYẾN,
ĐẢNG VIÊN VÀ CÁN BỘ
HAI THẬT SỰ THẤM NHUẦN
ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG,
T SỰ CẢN KIỂM LIÊM CHÍNH,
CHỈ CÔNG VÔ TƯ.
PHẢI GIỮ GÌN ĐẢNG TA
THẬT TRỌNG SỰ
PHẢI XƯNG Đ
LÀ NGƯỜI LÃ
LÀ NGƯỜI Đ
THẬT TRUNG
CỦA NHÂN Đ
DI CHÚC - HỒ CHÍ MINH

"ĐẢNG CHĂM LO
XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ,
ĐẢNG VIÊN TRONG SẠCH,
CÓ PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC,
CÓ SỨC CHIẾN ĐẤU CAO
THEO TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC
HỒ CHÍ MINH; QUAN TÂM
ĐÀO TẠO
TỤC
ANG
2011

ĐẢNG BỘ CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
HỘI NGHỊ ĐẠI BIỂU
SƠ KẾT GIỮA NHIỆM KỲ 2015 - 2020

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
- **BAN ĐIỀU HÀNH**
- **BAN KIỂM SOÁT**
- **TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Phạm Thứ Triệu	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Võ Minh Tân	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
3	Ông Nguyễn Khắc Hanh	Thành viên HĐQT
4	Ông Lê Văn Minh	Thành viên HĐQT
5	Ông Nguyễn Hoàng Sơn	Thành viên HĐQT

Ông Phạm Thứ Triệu

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1979

Địa chỉ thường trú: 4/19 Phạm Huy Thông, Phường 7, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - kiểm toán

Số cổ phiếu nắm giữ: 40.000 cổ phần

Ông Võ Minh Tân

Chức vụ: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Năm sinh: 1969

Địa chỉ thường trú: 15 Ấp An Bình, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre

Trình độ chuyên môn: Dược sỹ

Số cổ phiếu nắm giữ: 30.000 cổ phần

Ông Nguyễn Khắc Hanh

Chức vụ: Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1978

Địa chỉ thường trú: 23C Bùi Minh Trực, Phường 6, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân luật

Số cổ phiếu nắm giữ: 25.000 cổ phần

Ông Lê Văn Minh

Chức vụ: Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1980

Địa chỉ thường trú: Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh - Đại học Clemson - Hoa Kỳ

Số cổ phiếu nắm giữ: 25.000 cổ phần

Ông Nguyễn Hoàng Sơn

Chức vụ: Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1965

Địa chỉ thường trú: Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Số cổ phiếu nắm giữ: 391.250 cổ phần

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Võ Minh Tân	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2	Ông Hoàng Xuân An	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Nguyễn Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Lê Phước Lễ	Phó Tổng Giám đốc
5	Bà Trần Thị Thanh Phượng	Phó Tổng Giám đốc
6	Nguyễn Văn Chí Cường	Kế toán trưởng

Ông Hoàng Xuân An

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1978

Địa chỉ thường trú: 42, Tổ 46, Ngõ 123, Đường Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số cổ phiếu nắm giữ: 21.354 cổ phần

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ: 0,17%

Ông Nguyễn Văn Nam

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1958

Địa chỉ thường trú: 156 Nguyễn Văn Đậu, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Dược sỹ

Số cổ phiếu nắm giữ: 34.544 cổ phần

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ: 0,28%

Ông Lê Phước Lễ

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1964

Địa chỉ thường trú: 83B đường Trương Định, Phường 6, Tỉnh Bến Tre.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Kế toán

Số cổ phiếu nắm giữ: 17.000 cổ phần.

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ: 0,13%

Bà Trần Thị Thanh Phượng

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1964

Địa chỉ thường trú: 275 A4, khu phố 3, Phú Khương, Tỉnh Bến Tre

Trình độ chuyên môn: Dược sỹ

Số cổ phiếu nắm giữ: 25.060 cổ phần

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ: 0,07%

Ông Nguyễn Văn Chí Cường

Chức vụ: Kế toán trưởng

Năm sinh: 1968

Địa chỉ thường trú: 147/2 Trần Quốc Tuấn, khu phố 2, Phường 4, Tỉnh Bến Tre

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số cổ phiếu nắm giữ: 13.000 cổ phần

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ: 0,10%

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Thiện Nhân	Trưởng Ban kiểm soát
2	Bà Phạm Trần Minh Thư	Kiểm soát viên
3	Ông Nguyễn Thế Quốc Uy	Kiểm soát viên

Ông Nguyễn Thiện Nhân

Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát

Năm sinh: 1969

Địa chỉ thường trú: 39E Đường số 11, Phường 11, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh Tế thương mại

Số cổ phiếu nắm giữ: 26.724 cổ phần

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ: 0,21%

Bà Phạm Trần Minh Thư

Chức vụ: Kiểm soát viên

Năm sinh: 1989

Địa chỉ thường trú: 186/8 Hùng Vương, Phường 3, Tỉnh Bến Tre

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phần

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ: 0%

Ông Nguyễn Thế Quốc Uy

Chức vụ: Kiểm soát viên

Năm sinh: 1984

Địa chỉ thường trú: 111B Lý Thánh Tông, P. Tân Thới Hoà, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính – Ngân hàng

Số cổ phiếu nắm giữ: 5.000 cổ phần

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ: 0,04%

TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CÁC CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số lượng cán bộ, nhân viên tính đến 31/12/2017

STT	Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Phân loại theo giới tính	374	100
1	Nam	172	45,99
2	Nữ	202	54,01
II	Phân loại theo trình độ	374	100
1	Trình độ đại học, cao đẳng	120	32,09
2	Trình độ trung cấp	211	56,42
3	Trình độ lao động phổ thông	43	11,50
III	Phân loại theo tính chất lao động	374	100
1	Trực tiếp sản xuất	31	8,29
2	Không trực tiếp sản xuất	343	91,71

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Thu nhập bình quân	Đồng/người/ tháng	4.252.825	4.825.799	4.790.434

Các chính sách đối với người lao động

Chế độ làm việc: công ty thực hiện chế độ 08 giờ/ngày, 44 giờ/tuần.

Chính sách lương thưởng:

Công ty thực hiện chế độ tiền lương theo đúng quy chế tiền lương của công ty, đảm bảo cán bộ công nhân viên tại từng bộ phận khác nhau được hưởng thu nhập tương xứng với công việc mà mình đảm nhận. Chế độ thưởng cho cán bộ công nhân viên được Ban lãnh đạo công ty xây dựng dựa trên kết quả kinh doanh của công ty.

Các phúc lợi khác của người lao động trong công ty cũng được đảm bảo. Hằng năm, cán bộ nhân viên được tổ chức các buổi tham quan, nghỉ dưỡng, các hoạt động văn nghệ thể thao nhằm tái tạo sức lao động, đồng thời nâng cao tinh thần đoàn kết giữa nhân viên toàn công ty.

Chế độ bảo hiểm: Ban điều hành chịu trách nhiệm về việc trích nộp và thanh toán các chế độ bảo hiểm của người lao động đúng theo quy định của Nhà nước

Chính sách tuyển dụng: Là doanh nghiệp trong ngành dược, yêu cầu về trình độ chuyên môn của cán bộ công nhân viên Công ty là rất cao. Tùy từng vị trí công việc DBT đặt ra tiêu chuẩn riêng tương ứng nhằm tìm kiếm nguồn lực phù hợp phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

- ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
- TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
- NHỮNG CẢI TIẾN TRONG NĂM 2017
- KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

Tổng quan về thị trường dược phẩm

Việt Nam là quốc gia có cơ cấu dân số trẻ với tốc độ tăng trưởng GDP được xếp hạng trên trung bình, có dân số đông thứ 3 trong khu vực ASEAN, tầng lớp trung lưu đang tăng nhanh. Nhận thức của người dân Việt Nam về các loại dịch bệnh cũng được cải thiện rõ rệt trong thời gian gần đây. Tuy nhiên, trên thực tế thì ngành dược Việt Nam vẫn còn đang phải đối mặt với nhiều thử thách, tại Việt Nam hiện nay có khoảng 178 doanh nghiệp sản xuất thuốc nhưng đa phần tập trung ở dạng bào chế đơn giản, nhiều loại thuốc trong nước mặc dù có chất lượng tương đương với thuốc ngoại nhập nhưng do vẫn chưa xây dựng được thương hiệu cho chính mình nên khả năng cạnh tranh vẫn còn thấp.

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Trong năm 2017, tình hình sản xuất kinh doanh của Bepharco có sự gia tăng đáng kể về doanh thu thuần khi đạt 800,114 tỷ đồng, tăng 37,83% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do Công ty đã không ngừng cải thiện chính sách bán hàng hợp lý, đa dạng hóa các nguồn hàng... làm cho sản lượng bán hàng của Công ty ngày càng tăng. Tuy nhiên, Do ảnh hưởng của tỷ giá ngoại tệ, làm tăng giá vốn đầu vào, giảm sức cạnh tranh; mặt khác cũng ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh do tăng chi phí tài chính. Bên cạnh đó Công ty đang trong giai đoạn triển khai 02 nhóm hàng mới, chi phí cho hoạt động quảng bá sản phẩm tăng, đã ảnh hưởng đến kết quả lợi nhuận của Công ty.

Mặc dù lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh có sự sụt giảm, Lợi nhuận sau thuế của DBT trong năm 2017 vẫn tăng 17,61% lên thành 28,246 tỷ đồng.

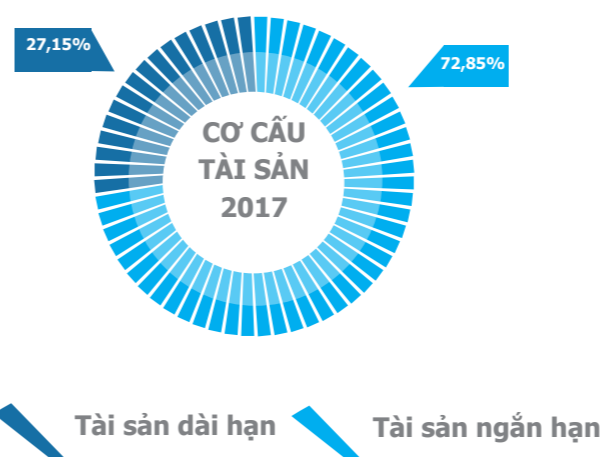
Nhìn chung, trong năm 2017 Bepharco đạt kết quả hoạt động kinh doanh rất đáng khích lệ. Và điều quan tâm nhất là trong năm qua Công ty đã tạo được sự chuẩn bị rất tốt cho chu kỳ tăng trưởng mới đó là: tiếp tục cấu trúc lại tổ chức nhân sự và mạng lưới kinh doanh; thực hiện các mục tiêu đầu tư trọng tâm vào một số doanh nghiệp thuộc chuỗi giá trị của ngành dược. Hơn thế nữa, Bepharco đang tăng cường đầu tư vào các doanh nghiệp sản xuất cùng ngành nhằm đa dạng nguồn cung cấp về sản phẩm cũng như phòng tránh rủi ro về sự thiếu hụt nguồn đầu vào.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2016	31/12/2017	Tăng/giảm (%)
Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	384.294	449.493	16,97%
Tài sản dài hạn	Triệu đồng	147.560	167.550	13,55%
Tổng tài sản	Triệu đồng	531.858	617.043	16,02%

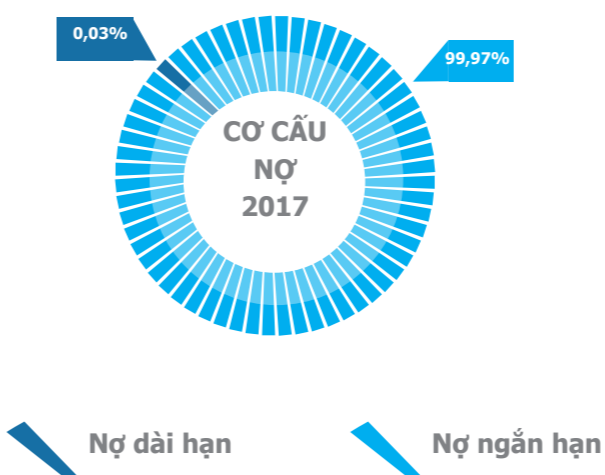


Tổng tài sản năm 2017 là 617,043 tỷ đồng, tăng 16,02% so với cùng kỳ năm trước. Mức tăng này là do sự gia tăng của tài sản ngắn hạn, chủ yếu khoản mục khoản phải thu tăng 13,30% so với năm 2016. Nguyên nhân do trong năm 2017, Bepharco tập trung mở rộng danh mục sản phẩm và phát triển thị trường, mở rộng mạng lưới kinh doanh trên cả nước nên sản lượng bán hàng tăng mạnh so với năm 2016.

Trong khi tài sản dài hạn trong năm cũng tăng 13,55% lên thành 167,55 tỷ đồng, chủ yếu đến từ tài sản cố định do sự gia tăng trong tỷ lệ sở hữu của Berpharco đối với Biopharco.

Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2016	31/12/2017	Tăng/giảm (%)
Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	372.418	366.620	(1,56%)
Nợ dài hạn	Triệu đồng	171	99	(42,16%)
Nợ phải trả	Triệu đồng	372.590	366.719	(1,58%)



Trong năm 2017, Nợ phải trả của công ty có sự sụt giảm khi giảm 1,58% đạt mức 366,719 tỷ đồng, Trong cơ cấu nợ vay của Bepharco, nợ ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng lớn, hơn 99%.

Trong cơ cấu nợ ngắn hạn, chủ yếu vẫn là hai khoản mục chính là khoản phải trả người bán và nợ vay ngắn hạn. Do đặc thù kinh doanh trong ngành dược nên các khoản phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty. Tình hình nợ vay ngắn hạn của Bepharco có sự tăng nhẹ trong năm 2017 từ 197,081 tỷ lên 219,923 tỷ đồng đến từ khoản vay từ ngân hàng Vietinbank chi nhánh Bến Tre để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh.

NHỮNG CẢI TIẾN TRONG NĂM 2017

01

Cải cách về cơ cấu tổ chức :

- Thực hiện phân chia theo địa bàn kinh doanh theo 3 vùng miền Bắc – Trung – Nam, bố trí cán bộ quản lý theo khu vực vùng miền nhằm thuận tiện trong điều hành kinh doanh.

02

Chính sách quản lý - điều hành

- Quản lý điều hành theo mô hình chung xuyên suốt từ Công ty mẹ đến các công ty con.

03

Chiến lược phát triển sản phẩm

- Tập trung ưu tiên, đẩy mạnh các sản phẩm sản xuất trong nước.
- Đưa một số nhãn hiệu sản phẩm mà doanh nghiệp có thế mạnh trong cạnh tranh thành sản phẩm dẫn đường, có giá trị sử dụng và thương mại cao.
- Từng bước đầu tư vào nghiên cứu phát triển sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng cao của thị trường trong nước và khu vực.
- Tiếp tục củng cố nâng cao chất lượng dịch vụ trước, trong và sau bán hàng.

04

Cách thức quảng bá thương hiệu

- Truyền thông phổ cập kiến thức sản phẩm: Báo viết, tạp chí, tài liệu chuyên ngành
- Truyền thông radio.
- Truyền thông quảng cáo số: các công cụ truyền thông qua Internet, Google, Youtube, Facebook.
- Quảng cáo hình ảnh: Biển bảng ngoài trời, trưng bày tại điểm bán, tờ rơi sản phẩm.
- Dịch vụ sau bán hàng: Website sản phẩm, tổng đài hỗ trợ khách hàng.
- Tham gia các hoạt động hội nghị, hội thảo chuyên ngành.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Nhận định tình hình năm 2018

Năm 2018, nền kinh tế Việt Nam được dự báo tiếp tục tăng trưởng ổn định, các yếu tố ảnh hưởng đến giá đầu vào của nhóm hàng truyền thống không bị ảnh hưởng nhiều như: giá thanh toán ngoại tệ cho công tác nhập khẩu, giá mua hàng hóa trong nước, chi phí vận chuyển hàng hóa... sẽ tạo thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của Bepharco.

Về đầu tư vốn vào các Công ty cùng ngành. Bepharco đã gần như hoàn thành trong việc tăng tỷ lệ sở hữu tại các công ty con, công ty liên kết để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và phát triển thị phần trong ngành. Trong những năm tới, với đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp phân bố đều trên những địa bàn trên cả nước, kì vọng sẽ giúp Bepharco phát huy được những thế mạnh sẵn có để đưa doanh số tăng mạnh và đảm bảo thu nhập ổn định của người lao động nhằm đưa công ty phát triển bền vững trong giai đoạn mới.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018 (hợp nhất)
1	Doanh thu thực hiện	Tỷ đồng	746	800,114	831,51
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	37	34,822	49,34
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	29,604	28,246	39,47

CĂN CỨ ĐỂ HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH:

Công ty đã hoàn tất việc xây dựng hệ thống quản trị thông tin ERP, tổng đài nội bộ đã đưa vào vận hành và quản trị hiệu quả theo định hướng phát triển Công ty.

Hệ thống phân phối hiện nay của Bepharco đã trải dài khắp 63 tỉnh thành trên cả nước. Các công tác về tiếp thị, giới thiệu sản phẩm mới đạt được những thành công nhất định trong năm vừa qua.

Tình hình nghiên cứu, phát triển nhóm sản phẩm đông dược, sinh phẩm, vắc xin, thực phẩm chức năng cũng như các nhóm sản phẩm tương đương khác nhận được những phản hồi tích cực từ người tiêu dùng kì vọng sẽ tăng doanh số bán hàng trong những năm tới.

Tiến hành thương thảo với Ngân hàng tìm kiếm các sản phẩm phái sinh để có kế hoạch ổn định tỷ giá và quyết liệt triển khai kế hoạch bán hàng cho các nhóm sản phẩm mới đạt hiệu quả cao nhất.

Hoàn tất việc đầu tư vào 02 Công ty con là Biopharco và Ypharco, đưa 02 nhóm hàng mới vào Công ty triển khai phân phối độc quyền 02 nhóm hàng của Công ty con theo định hướng phát triển lâu dài của Công ty trong chuỗi giá trị ngành dược, bao gồm nhóm đông dược và sinh phẩm.

Tiếp tục mục tiêu đầu tư mở rộng phát triển chuỗi giá trị ngành dược chiều sâu và rộng, cũng như tăng cường hợp tác sản xuất, kinh doanh với các đối tác nước ngoài.

Giải trình của Ban Giám đốc về ý kiến kiểm toán

Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017, đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn A&C đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ Phần Dược Bến Tre, vì vậy Ban Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
- ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH
- CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CHUNG CỦA NGÀNH DƯỢC TRONG NĂM 2017

Theo đánh giá của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), công nghiệp Dược Việt Nam ở mức đang phát triển, mức cao thứ 2 trong 4 mức độ xếp hạng sự phát triển ngành dược: Việt Nam đã có công nghiệp Dược nội địa, có sản xuất thuốc generic, xuất khẩu một số sản phẩm dược. Tuy nhiên, 90% nguyên liệu sản xuất dược phẩm tại Việt Nam đang phải nhập khẩu, do đó có thể nói rằng công nghiệp Dược Việt Nam vẫn ở mức phát triển trung bình thấp.

Với tiến trình hội nhập sâu rộng của Việt Nam thông qua các hiệp định thương mại, các Công ty Dược phẩm trong nước sẽ đối diện với sức ép cạnh tranh lớn hơn từ các Công ty nước ngoài do việc cắt giảm các hàng rào bảo hộ, đặc biệt trong bối cảnh động lực phát triển chính của ngành vẫn là các chính sách bảo hộ của nhà nước như hiện nay.

ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Những mặt làm được:

Nhìn chung Ban Tổng Giám đốc Công ty đã lãnh đạo thực hiện hoàn thành đạt các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh Đại hội Cổ đông giao, hoàn tất việc đầu tư chiến lược vào 2 Công ty con trong chuỗi giá trị ngành Dược.

Ban Tổng Giám đốc đã lãnh đạo Công ty thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đối với nhóm hàng truyền thống, góp phần nâng cao đời sống cho người lao động, ổn định tổ chức:

- Kịp thời báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh Công ty để HĐQT nhận định, đánh giá và có sự hỗ trợ, chỉ đạo kịp thời, hiệu quả.
- Thực hiện cơ cấu sắp xếp lại nhân sự một số phòng ban chức năng đã đảm bảo nhu cầu hoạt động Công ty và đề xuất bổ nhiệm một số chức danh quản lý đáp ứng nhu cầu chuyên môn.
- Thực hiện chăm công bằng dẫu vãn tay nhằm nâng cao hiệu quả và đảm bảo lưu trữ dữ liệu chính xác, đầy đủ trong công tác quản trị nhân sự.
- Bước đầu xây dựng khu nhà văn phòng và kho Công ty tại Tp. HCM nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh trong thời gian tới.
- Thực hiện phân chia theo địa bàn kinh doanh theo 3 vùng miền Bắc – Trung – Nam, bố trí cán bộ quản lý theo khu vực vùng miền nhằm thuận tiện trong điều hành kinh doanh.

Những mặt chưa làm được & nguyên nhân : Công tác sản xuất, kinh doanh:

Chưa có giải pháp phát triển mạng lưới tương xứng với lợi thế hiện có như chưa tăng cường nghiên cứu tìm kiếm đối tác thêm mới, cũng như nghiên cứu sản phẩm mới, chưa đạt mục tiêu phân phối 02 nhóm sản phẩm mới của 02 Công ty con theo kế hoạch năm.

Công tác đầu tư nghiên cứu sản xuất những sản phẩm mới, cũng như công tác nghiên cứu, đánh giá thị trường chưa được triển khai thực hiện đạt mức kỳ vọng của Hội đồng quản trị.

Nguyên nhân:

Một phần do việc triển khai chính sách bán hàng các sản phẩm từ các Công ty con, công ty liên kết được thực hiện chậm so với tiến độ dự kiến.

Đồng thời, do đang trong giai đoạn đầu của việc tiếp nhận những sản phẩm mới để phát triển ra thị trường. Chưa khai thác tối đa công suất hoạt động của nhà máy sản xuất thuốc nước.

Công tác khác:

Hội đồng quản trị quyết định không thực hiện phát hành cổ phiếu ESOP theo kế hoạch đã dự kiến và chưa thực hiện chuyển sản HOSE do thời điểm chưa thích hợp



ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Trong năm 2017, Hội đồng quản trị thường xuyên duy trì việc giám sát Ban Tổng giám đốc thông qua kiểm điểm tình hình thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị và chất vấn tại các phiên họp. Công tác giám sát của Hội đồng quản trị giúp các hoạt động của Tổng Giám đốc, Ban điều hành được đồng bộ, liên tục và nhất quán trong quá trình quản lý, điều hành, tạo sự đồng thuận cao trong tập thể Ban lãnh đạo để Công ty đi đúng hướng, tuân thủ Điều lệ Công ty mà không ảnh hưởng đến tính chủ động sáng tạo của người đứng đầu bộ máy điều hành và của từng thành viên trong Ban điều hành. Với các cán bộ quản lý khác, Hội đồng quản trị căn cứ chức năng nhiệm vụ được phân công, quá trình tổ chức thực hiện đối chiếu với kết quả hoàn thành để có chỉ đạo kịp thời, đánh giá kết quả thực thi nhiệm vụ.
- Kết quả cho thấy, Ban Tổng Giám đốc luôn theo sát và đôn đốc trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, nhận thức rõ những thuận lợi, khó khăn của Công ty, linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động hằng ngày, ban hành các văn bản tài liệu theo đúng thẩm quyền nhằm định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và kiểm soát tốt các rủi ro.

KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về đối nội:

Tập trung đẩy mạnh công tác đầu tư, nghiên cứu sản xuất sản phẩm mới và phát triển thị trường tại Bepharco và cả 02 Công ty con.

Tiếp tục đầu tư, xây dựng hoàn thiện nhà văn phòng và kho Bepharco nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh và chiến lược phát triển kinh doanh trong thời gian tới.

Đầu tư hoàn thiện hệ thống kho tại Bepharco và các chi nhánh trực thuộc, cũng như hệ thống Logistic để phục vụ cho việc kinh doanh của Công ty và làm dịch vụ cho các đơn vị khác trong ngành.

Triển khai cơ cấu lại một số vị trí chủ chốt và mời các chuyên gia am hiểu về ngành tham gia vào Hội đồng quản trị Bepharco và 02 Công ty con nhằm phát huy tốt hơn thế mạnh Công ty trên nền tảng hiện có.

Hội đồng quản trị sẽ nghiên cứu thực hiện thoái vốn tại CTCP Sách và Dịch vụ Văn Hóa Long An nhằm thu hồi vốn, đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh lĩnh vực chính trong thời gian tới, do ngành nghề kinh doanh không thuộc chiến lược kinh doanh chính.

Về đối ngoại:

Cập nhật chủ trương, chính sách của Nhà nước để phát huy những lợi thế của ngành Dược, tận dụng mọi điều kiện thuận lợi trong sản xuất kinh doanh.

Tập trung nghiên cứu đầu tư mở rộng nhằm khai thác lợi thế và tiềm lực tại 02 Công ty con, nhằm tạo ra những sản phẩm chủ lực, qui mô trong thời gian tới.

Đẩy mạnh hơn nữa công tác tìm kiếm đối tác nước ngoài, để tìm cơ hội đưa các sản phẩm mới, công nghệ mới vào lĩnh vực sản xuất và phân phối dược phẩm tại thị trường Việt Nam.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu của Bepharco chủ yếu dùng để phục vụ cho việc sản xuất thuốc, bao gồm các nguyên liệu đầu vào, bao gói, khí, dung môi, chất phụ gia, thuốc thử và các vật liệu nhãn mác,... Vì vậy trong cơ cấu nguyên liệu của Công ty không có nguyên liệu tái chế. Tất cả các nguyên liệu và sản phẩm đều được bảo quản trong điều kiện phù hợp ngay sau khi nhận hàng hoặc điều chế đến khi thuốc được xuất đi sử dụng và phân phối. Là doanh nghiệp có Nhà máy Dược phẩm đạt chuẩn GMP – WHO, Bepharco cam đoan các nguyên liệu đầu vào đều được mua từ những nhà cung cấp uy tín hoặc mua trực tiếp của hãng sản xuất, đảm bảo về chất lượng và an toàn sử dụng. Tất cả nguyên liệu trước khi nhập kho đều được kiểm tra, đóng gói cẩn thận theo đúng với đơn hàng đã đặt. Ngoài ra, Công ty còn sử dụng một số hương liệu và phẩm màu để tạo hương vị và màu sắc

cho sản phẩm. Các loại hóa chất trên đều được Bộ y tế cấp phép sử dụng, đảm bảo không gây hại đến sức khỏe con người.

Tiêu thụ năng lượng

Để vận hành các hệ thống máy móc chuyên dụng, thiết bị sản xuất tại nhà máy dược phẩm cũng như giúp vận chuyển hàng hóa, lưu trữ và bảo quản nguyên vật liệu, Bepharco đã sử dụng nguồn năng lượng tiêu thụ chủ yếu từ điện năng, các loại xăng dầu,... Tổng chi phí sử dụng trong năm là 5.611.585.449 đồng, cụ thể như sau:

STT	Chi tiêu	Năm 2017
1	Điện tiêu thụ	230.000 kW/năm
2	Xăng, dầu tiêu thụ	Dầu DO: 300 lít/năm

Tiêu thụ nước

Bepharco đảm bảo nguồn nước dùng trong sản xuất và kinh doanh luôn phù hợp với mục đích sử dụng, không thải ra môi trường các nguồn nước bẩn hoặc bị ô nhiễm. Ngoài ra, việc tiêu thụ nước của Công ty còn được dùng cho các hoạt động sinh hoạt tại văn phòng và các chi nhánh. Tuy nhiên, mức độ sử dụng là không đáng kể, chỉ chiếm một phần trong tổng chi phí của Bepharco. Trong năm qua tổng lượng nước tiêu thụ tại Công ty là 4.300 m³

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong năm 2017, Bepharco luôn tuân thủ tốt các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, không để phát sinh các trường hợp vi phạm có liên quan về môi trường. Hàng năm, Công ty đều mời Khoa Vệ sinh Lao động – Môi trường thuộc Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh đến kiểm tra và đo đạc. Rác thải sinh hoạt của Công ty đều do Công ty cổ phần công trình đô thị Bến Tre vận chuyển, chất thải được công ty TNHH MTV Môi trường xanh Huế Phương VN xử lý.

Chính sách liên quan đến người lao động

Chính sách lương thưởng

Xây dựng chính sách lương, thưởng, phúc lợi phù hợp với ngành nghề hoạt động, trình độ chuyên môn, năng lực làm việc của từng nhân viên Công ty. Ngoài các mức lương và phụ cấp cố định thì định kỳ hàng tháng, Công ty còn có những chính sách khen thưởng cho các cá nhân, tập thể có những đóng góp thiết thực vào kết quả hoạt động chung của Công ty.

Chính sách đào tạo

Chú trọng đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho nhân viên thông qua các khoá đào tạo chuyên ngành phù hợp với trình độ, năng lực, vị trí công tác hiện tại, định hướng phát triển trong tương lai của Công ty.

Chính sách phúc lợi

Để cán bộ công nhân viên phát huy được trách nhiệm cũng như năng lực làm việc của mình, Bepharco luôn bảo đảm môi trường làm việc tốt cho người lao động như: Nhà máy dược phẩm đầy đủ ánh sáng, không khí, điều kiện vệ sinh, đảm bảo chế độ an toàn lao động, vệ sinh lao động, trang bị đồ bảo hộ. Toàn thể nhân viên Công ty đều được tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho toàn thể cán bộ nhân viên Công ty.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong Công ty có tổ chức công đoàn luôn thực hiện tốt nghĩa vụ như: bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ công nhân viên. Ngoài ra, hàng năm Công ty luôn tổ chức các hoạt động khám bệnh từ thiện, quyên góp quỹ ủng hộ đồng bào miền Trung bị lũ lụt, các phong trào đền ơn đáp nghĩa, phụng dưỡng mẹ Việt Nam Anh Hùng, ủng hộ tổ nhân dân tự quản, ủy ban phường Phú Tân UBND Ủy ban tỉnh Bến Tre (nhân ngày 27/07) tài trợ giáo dục, hỗ trợ bệnh nhân nghèo và người tàn tật,... góp phần cải thiện cộng đồng và xã hội tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho toàn thể cán bộ nhân viên Công ty.



Trong năm Công ty cũng đã Tham gia ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa Mặt trận tổ quốc tỉnh Bến Tre số tiền là 56.538.288 đồng , tài trợ cho bệnh viện ĐH Y Dược khám chữa bệnh với kinh phí 90 triệu đồng. Hỗ trợ kinh phí thăm gia đình chính sách kỷ niệm 70 năm ngày Thương binh liệt sỹ (27/7). Tham gia ủng hộ quỹ nhà tình thương do Công đoàn Ngành vận động 19.617.987 đồng.





QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN KIỂM SOÁT

CÁC GIAO DỊCH THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

QUẢN TRỊ CÔNG TY

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
01	Ông Phạm Thứ Triệu	Chủ tịch HĐQT	17/17	100%	
02	Ông Võ Minh Tân	Phó Chủ tịch HĐQT	17/17	100%	
03	Ông Nguyễn Khắc Hanh	Thành viên HĐQT	17/17	100%	
04	Ông Nguyễn Hoàng Sơn	Thành viên HĐQT	12/17	70,6%	Bận công tác-có thống nhất qua điện thoại
05	Ông Lê Văn Minh	Thành viên HĐQT	16/17	94,1%	Bận công tác-có thống nhất qua điện thoại

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Với vai trò là cơ quan quản lý Công ty, HĐQT chủ động xây dựng chiến lược phát triển phù hợp với từng giai đoạn của Công ty, tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị nội bộ nhằm thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua.

Định kỳ mỗi quý, HĐQT tổ chức họp để nghe báo cáo và kế hoạch đề xuất của Ban Giám đốc, từ đó nắm bắt tình hình Công ty và có chiến lược hoặc điều chỉnh phù hợp cho giai đoạn tiếp theo.

HOẠT ĐỘNG CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

Hoạt động của Ban thư ký

- Thực hiện công bố thông tin bất thường và định kỳ theo yêu cầu của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Ủy ban chứng khoán Nhà nước đúng thời hạn quy định.
- Ghi chép các biên bản họp Hội đồng quản trị.
- Tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên 2016.
- Hoàn thành hồ sơ chi trả cổ tức năm 2016 bằng tiền.
- Thực hiện các công việc khác do Hội đồng quản trị phân công.

Các nghị quyết của HĐQT

STT	Ngày ban hành	Nội dung
1	08/02/2017	Thống nhất chủ trương mua thêm cổ phần của Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang
2	13/02/2017	Thống nhất phân phối lại số cổ phiếu không chào bán hết (số cổ phiếu còn lại khi phát hành cho NLD và cho CĐ hiện hữu)
3	20/02/2017	Thống nhất kế hoạch năm 2017 và chuẩn bị các nội dung ĐHCĐ thường niên năm 2016
4	06/03/2017	Thống nhất ngày tổ chức Đại hội Cổ đông thường niên 2016 và chi cổ tức năm 2016 bằng tiền
5	21/03/2017	Thống nhất mua thêm cổ phần phát hành thêm của Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái
6	10/04/2017	Thống nhất điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do thay đổi vốn điều lệ
7	24/04/2017	Thống nhất mua thêm cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang (Biopharco) để đạt tỷ lệ nắm giữ 51% vốn điều lệ Công ty
8	04/05/2017	Thống nhất phê chuẩn giới hạn tín dụng năm 2017
9	10/05/2017	Thống nhất bổ sung ngành nghề kinh doanh Công ty
10	17/05/2017	Thống nhất sơ kết 4 tháng và định hướng công tác thời gian tới
11	31/05/2017	Thống nhất sang nhượng kho Công ty tại KCN Tân Tạo
12	05/07/2017	Thống nhất các nội dung sơ kết 6 tháng đầu năm và tăng tỷ lệ sở hữu tại OC Pharma
13	05/07/2017	Thống nhất cử người đại diện vốn tại Biopharco
14	20/09/2017	Thống nhất cơ cấu lại danh mục đầu tư tại CTCP Phương Đông
15	17/10/2017	Thống nhất bán nhà văn phòng tại Tp.HCM
16	17/10/2017	Thống nhất đầu tư mua trái phiếu
17	31/10/2017	Thống nhất ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc lựa chọn địa điểm, xây dựng nhà văn phòng và kho Công ty tại Tp.HCM

BAN KIỂM SOÁT

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
01	Ông Nguyễn Thiện Nhân	Trưởng BKS	02/02	100%
02	Ông Phạm Trần Minh Thư	Kiểm soát viên	02/02	100%
03	Ông Nguyễn Thế Quốc Uy	Kiểm soát viên	02/02	100%

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG

Giám sát việc thực hiện các nội dung Nghị quyết của HĐQT, các quyết định, chủ trương của Ban Tổng giám đốc trong các hoạt động năm 2017. Trong quyền hạn quy định, Ban kiểm soát đưa ra các ý kiến độc lập phục vụ cho việc quản trị Công ty.

Kiểm tra và đánh giá tính nghiêm túc, công bằng và minh bạch của việc chi trả cổ tức, việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên...

Xây dựng kênh thông tin độc lập để lắng nghe ý kiến cổ đông, giám sát việc công bố thông tin theo quy định.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Phối hợp với HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng ban trong Công ty lên kế hoạch và thực hiện việc kiểm tra thường xuyên việc chấp hành những quy định của pháp luật, những quy định của Công ty có liên quan để hoạt động sản xuất kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc công ty.

Xem xét, rà soát, kiểm tra việc chấp hành chế độ hoạch toán kế toán, quản lý tài sản của công ty, các báo cáo của kiểm toán độc lập để có những ý kiến nhận xét về những vấn đề kiểm soát nội bộ dưới góc độ trách nhiệm của Ban kiểm soát.

Đào tạo về quản trị Công ty

- Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty:
- Thư ký Công ty đã tham gia hội thảo cập nhật qui định mới về qui chế quản trị Công ty đại chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao
01	Ông Phạm Thứ Triệu	Chủ tịch HĐQT	240.000.000
02	Ông Võ Minh Tân	Thành viên HĐQT	180.000.000
03	Ông Lê Văn Minh	Thành viên HĐQT	190.000.000
04	Ông Nguyễn Hoàng Sơn	Thành viên HĐQT	190.000.000
05	Ông Nguyễn Khắc Hanh	Thành viên HĐQT	190.000.000
06	Ông Nguyễn Thiện Nhân	Trưởng BKS	60.000.000
07	Ông Nguyễn Thế Quốc Uy	Thành viên BKS	63.000.000
08	Bà Phạm Trần Minh Thư	Thành viên BKS	24.000.000

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của cty niêm yết :

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Lý do tăng, giảm
1	CTCP Cơ khí Ngân hàng	Tổ chức có liên quan Ông Phạm Thứ Triệu	6.318.455	180.455	Chuyển CP từ Cty mẹ sang Cty con
2	CTCP Thiết bị Ngân hàng Tiên Phong	Tổ chức có liên quan Ông Phạm Thứ Triệu	0	6.138.000	Chuyển CP từ Cty mẹ sang Cty con
3	Nguyễn Thị Cấp Tiến		7.000	0	Bán
4	Phạm Thị Thanh Thủy	Vợ Ông Nguyễn Thiện Nhân	315	2.515	Mua
5	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Em ruột Ông Nguyễn Khắc Hanh	27.962	0	Bán

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Không có

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Nhằm tổ chức thực hiện quản trị công ty rõ ràng, minh bạch theo đúng quy định pháp luật, công ty xây dựng Điều lệ và quy chế quản trị công ty nhằm có sự phân công phân nhiệm phù hợp. Các bộ phận tổ chức thực hiện quản trị công ty theo đúng quy trình đã quy định.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Dược và Vật tư y tế Bến Tre theo Quyết định số 1541/QĐ-UB ngày 06 tháng 5 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bến Tre. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1300382591 (số cũ 550300017) đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 7 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 18 tháng 4 năm 2017 do Sơ Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre
 - Điện thoại : (0275) 813447 – 822429 – 829528
 - Fax : (0275) 824248

Công ty có các đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Hà Nội	Số 9 ngách 12/2 Nguyễn Phúc Lai, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Ninh Bình	Số 51 đường 1B, phường Nam Thành, TP. Ninh Bình
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Đà Nẵng	Lô A3-28, A3-29, đường Nguyễn Chí Diểu, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Khánh Hòa	Thôn Hòn Nghê, đường Nguyễn Xiển, xã Vĩnh Ngọc, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Cần Thơ	Số 91/21A, đường Cách Mạng tháng 8, phường An Thới, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại TP. Hồ Chí Minh	Số 436B/76 đường 3 tháng 2, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre – Hiệu thuốc Trung tâm Khu vực II	Số 7 đường 29/3, khu phố 3, Thị trấn Ba Tri, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn dược phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm; xuất nhập khẩu các mặt hàng thuốc thành phẩm; mua bán dược liệu; bán buôn vắc xin, sinh phẩm y tế; xuất nhập khẩu dược liệu;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất thuốc trị bệnh cho người;
- Bán buôn máy móc thiết bị y tế;
- Sản xuất nước uống đóng chai, thùng;
- Bán buôn nước uống đóng chai, thùng;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Cho thuê kho bãi;
- Cho thuê mặt bằng;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng bao bì, nguyên phụ liệu, hương liệu phục vụ sản xuất, hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học; mua bán thực phẩm chức năng (thực phẩm dinh dưỡng);
- Cho thuê mặt bằng để kinh doanh;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (chỉ phục vụ cho hoạt động vận chuyển hàng hóa của Công ty).



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý
Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Thứ Triệu	Chủ tịch	Ngày 05 tháng 12 năm 2014
Ông Võ Minh Tân	Phó Chủ tịch	Ngày 26 tháng 4 năm 2014
Ông Lê Văn Minh	Thành viên	Ngày 6 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Hoàng Sơn	Thành viên	Ngày 6 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Khắc Hanh	Thành viên	Ngày 06 tháng 4 năm 2015

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Thiện Nhân	Trưởng ban	Ngày 26 tháng 4 năm 2014
Ông Nguyễn Thế Quốc Uy	Thành viên	Ngày 23 tháng 4 năm 2016
Bà Phạm Trần Minh Thư	Thành viên	Ngày 17 tháng 4 năm 2015

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Võ Minh Tân	Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 01 năm 2014
Ông Lê Phước Lễ	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 25 tháng 12 năm 2007
Ông Nguyễn Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 01 năm 2014
Bà Trần Thị Thanh Phương	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 25 tháng 12 năm 2007

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Võ Minh Tân – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2014).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

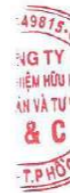
Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Võ Minh Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2018



SỐ: 1.044N/18/TC-A&C

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 12 tháng 3 năm 2018, từ trang 06 đến trang 49, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
A&C
02 TRƯƠNG SƠN, TÂN BÌNH, HỒ CHÍ MINH

Bùi Văn Kha - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0085-2018-008-1
TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2018

Trần Thị Thùy Quyên
Trần Thị Thùy Quyên - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1539-2018-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		449.492.924.881	384.293.610.104
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	68.167.196.191	40.534.666.766
1. Tiền	111		47.425.284.490	30.479.666.766
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.741.911.701	10.055.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		37.416.890.037	21.010.850.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	-	18.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	37.416.890.037	3.010.850.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		157.849.286.637	139.325.187.438
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	144.977.295.690	129.794.987.052
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	3.730.846.160	809.840.639
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	9.366.592.267	8.836.220.006
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(225.447.480)	(260.967.881)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	145.107.622
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	180.417.969.276	178.937.567.453
1. Hàng tồn kho	141		181.323.003.760	180.102.735.933
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(905.034.484)	(1.165.168.480)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.641.582.740	4.485.338.447
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	673.314.499	1.024.030.116
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.961.672.152	3.393.682.307
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	6.596.089	67.626.024
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		167.549.667.647	147.560.151.174
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.142.162.441	330.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	2.142.162.441	330.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		93.849.909.675	65.814.431.859
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	88.287.158.728	59.823.304.802
- Nguyên giá	222		158.251.923.576	108.000.896.535
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(69.964.764.848)	(48.177.591.733)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	5.562.750.947	5.991.127.057
- Nguyên giá	228		6.970.591.320	6.970.591.320
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.407.840.373)	(979.464.263)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	-	-
- Nguyên giá	231		52.826.363	52.826.363
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(52.826.363)	(52.826.363)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	109.090.909
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	109.090.909
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		58.226.360.678	73.663.937.817
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	54.358.546.678	69.804.123.817
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2d	3.729.814.000	3.859.814.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	138.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		13.331.234.853	7.642.690.589
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	5.387.305.273	4.440.190.778
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	1.047.896.151	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.13	6.896.033.429	3.202.499.811
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		617.042.592.528	531.853.761.278

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		366.719.393.787	372.589.521.794
I. Nợ ngắn hạn	310		366.620.393.787	372.418.347.404
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	129.648.717.988	148.495.260.030
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	351.220.959	372.238.558
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	1.255.116.322	2.391.647.263
4. Phải trả người lao động	314	V.17	7.648.660.981	8.422.697.133
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	3.710.312.706	2.508.851.063
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		163.636.364	163.636.363
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	1.293.802.947	10.973.000.359
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	219.922.901.249	197.081.428.468
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	2.626.024.271	2.009.588.167
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		99.000.000	171.174.390
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	99.000.000	171.174.390
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		250.323.198.741	159.264.239.484
I. Vốn chủ sở hữu	410		250.273.198.741	159.214.239.484
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22	123.144.940.000	76.998.080.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		123.144.940.000	76.998.080.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22	538.056.160	538.056.160
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22	8.876.126.506	8.876.126.506
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.22	2.536.822.093	2.536.822.093
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22	45.119.223.748	39.675.030.805
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lấy kế đến cuối kỳ trước	421a		16.382.708.764	39.675.030.805
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		28.736.514.984	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.22	70.058.030.234	30.590.123.920
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		50.000.000	50.000.000
1. Nguồn kinh phí	431	V.23	50.000.000	50.000.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		617.042.592.528	531.853.761.278

Bến Tre, ngày 12 tháng 3 năm 2018

Nguyễn Thanh Trúc
Người lập

Nguyễn Văn Chí Cường
Kế toán trưởng

Võ Minh Tân
Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	809.643.899.962	585.056.699.382
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	9.530.334.024	4.539.602.255
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		800.113.565.938	580.517.097.127
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	614.223.402.116	439.913.742.419
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		185.890.163.822	140.603.354.708
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	6.155.198.969	3.829.919.564
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	26.899.951.823	13.634.157.777
Trong đó: chi phí lãi vay	23		11.177.529.770	9.809.841.199
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2c	6.557.384.920	3.981.255.817
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	94.113.678.542	67.632.765.350
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	60.669.656.029	40.182.658.839
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.919.461.317	26.964.948.123
12. Thu nhập khác	31	VI.8	21.975.952.736	3.576.727.120
13. Chi phí khác	32	VI.9	4.073.727.503	3.055.074
14. Lợi nhuận khác	40		17.902.225.233	3.573.672.046
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		34.821.686.550	30.538.620.169
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	7.623.379.974	6.521.629.732
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.12	(1.047.896.151)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		28.246.202.727	24.016.990.437
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		28.736.514.984	23.661.915.324
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(490.312.257)	(355.075.113)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10a,b	2.351	2.526
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10a,b	2.351	2.526

Bến Tre, ngày 12 tháng 3 năm 2018

Nguyễn Thanh Trúc
Người lập biểu

Nguyễn Văn Chí Cường
Kế toán trưởng

Võ Minh Tân
Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		34.821.686.550	30.538.620.169
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, 10, 13	11.777.725.371	4.540.572.132
- Các khoản dự phòng	03	V.6, 7	401.113.162	(2.349.295.188)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	566.947.569	(1.145.855.145)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, 7	(29.404.460.637)	(4.560.806.605)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	11.177.529.770	9.809.841.199
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	57.061.652
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		29.340.541.785	36.890.138.214
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		14.560.857.914	(17.611.397.282)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		7.526.473.881	20.590.820.446
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		5.103.509.166	18.802.297.793
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.865.215.372)	(1.975.728.059)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		18.000.000.000	(4.231.485.000)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(11.177.529.770)	(9.632.114.961)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(8.026.043.512)	(9.803.954.406)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21,22a	(1.390.216.423)	(322.623.937)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		51.072.377.669	32.705.952.808
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.4, 9	(9.016.337.513)	(4.495.785.868)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		14.932.272.727	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(34.544.040.037)	(3.010.850.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	5.875.903.817
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(31.805.522.222)	(39.406.831.421)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	V.2d	130.000.000	7.169.835.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a;VI.4	7.175.105.251	579.550.788
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(53.128.521.794)	(33.288.177.684)

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.22a	34.598.290.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20	572.219.815.413	410.000.396.062
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(564.853.041.863)	(404.800.946.229)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19a,22a	(12.276.390.000)	(7.680.639.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		29.688.673.550	(2.481.189.167)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		27.632.529.425	(3.063.414.043)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	40.534.666.766	43.598.080.809
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	68.167.196.191	40.534.666.766

(Chữ ký)

Nguyễn Thanh Trúc
Người lập biểu

(Chữ ký)

Nguyễn Văn Chí Cường
Kế toán trưởng

(Chữ ký)

Võ Minh Tân
Tổng Giám đốc



0449
CÔNG
NHẬN
TOÁN V
A &
H.T.F

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

- Hình thức sở hữu vốn**
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.
 - Lĩnh vực kinh doanh**
Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh thương mại.
 - Ngành nghề kinh doanh**
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là mua và bán dược phẩm.
 - Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.
 - Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất**
Trong năm Tập đoàn đã đầu tư mua thêm cổ phiếu để trở thành Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang.
 - Cấu trúc Tập đoàn**
Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 03 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.
- 6a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn**
Mua công ty con
Ngày 28 tháng 4 năm 2017 Tập đoàn mua thêm 35,04% cổ phần của Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang, tăng tỷ lệ vốn nắm giữ tại Công ty này lên 51%.
- Chi tiết về giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả của các công ty con được mua tại ngày 30 tháng 4 năm 2017 và lợi thế thương mại như sau:

	Số tiền (VND)
Tài sản	107.103.349.171
Tiền và các khoản tương đương tiền ⁽ⁱ⁾	33.100.028.379
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	3.715.580.614
Trả trước cho người bán ngắn hạn	20.160.132.350
Phải thu ngắn hạn khác	136.826.000
Hàng tồn kho	9.443.509.267
Chi phí trả trước ngắn hạn	853.235.185
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	2.830.909.401
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	4.175.781
Tài sản cố định hữu hình	36.858.952.194

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

13

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số tiền (VND)
Nợ phải trả	21.631.036.433
Phải trả người bán ngắn hạn	(5.071.926.223)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	(882.286.762)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	(51.291.577)
Phải trả người lao động	210.088.191
Phải trả ngắn hạn khác	(465.508.663)
Vay ngắn hạn	(15.474.699.231)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	217.707.814
Giá trị hợp lý của tài sản thuần	85.472.312.738
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(41.881.433.242)
Giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua (a)	43.590.879.496
Giá phí hợp nhất kinh doanh (b)	47.900.160.000
Lợi thế thương mại [(b) - (a)]	4.309.280.504

- ⁽ⁱ⁾ Số này đã bao gồm số tiền 31.500.000.000 VND nhận từ Công ty mẹ để mua cổ phần của Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang vào ngày 28 tháng 4 năm 2017.

Giá trị hợp lý của đất và nhà xưởng của Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang tại ngày mua được ghi nhận theo giá tạm tính do việc định giá chưa hoàn thành vào ngày Báo cáo tài chính hợp nhất được phê duyệt phát hành.

Tiền chi thuần để mua công ty con:	
Từ bảng tiền	31.500.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền của các công ty con tại ngày mua	(1.600.028.379)
Tiền chi thuần	29.899.971.621

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bao gồm doanh thu thuần của Công ty Cổ phần Dược phẩm OC, Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái và Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang tương ứng là 0 VND, 106.222.704.631 VND và 23.161.096.598 VND, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tương ứng là (1.939.902) VND, 2.111.484.942 VND và 123.885.733 VND.

Mua thêm vốn góp tại công ty con

Ngày 28 tháng 3 năm 2017, Tập đoàn đã mua thêm 1,42% cổ phần của Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái, tăng tỷ lệ vốn góp tại công ty con này lên 51,85% từ ngày này. Giá mua thêm được thanh toán bằng tiền cho các cổ đông không kiểm soát. Giá trị ghi sổ của tài sản thuần của Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái (không bao gồm lợi thế thương mại) tại ngày mua là 60.337.866.273 VND, và giá trị ghi sổ của phần sở hữu mua thêm là 853.254.137 VND. Chênh lệch giữa giá mua với giá trị ghi sổ của phần sở hữu mua thêm được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

14

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dược phẩm OC ^⑥	436B/76 đường 3 tháng 2 phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất kinh doanh dược phẩm	100%	100%	51%	51%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái ^⑥	725 đường Yên Ninh, phường Minh Tân, TP. Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Sản xuất kinh doanh dược phẩm	51,85%	50,43%	51,85%	50,43%
Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	26 Hàn Thuyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất kinh doanh hóa dược, dược phẩm, dược liệu	51%	-	51%	-

^⑥ Mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn trong Công ty Cổ phần Dược phẩm OC theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 51% nhưng do các cổ đông khác chưa góp vốn nên tỷ lệ lợi ích trong Công ty Cổ phần Dược phẩm OC tại ngày kết thúc năm tài chính là 100%.

6c. Danh sách công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	334 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh dược phẩm, Sản xuất kinh doanh hóa dược, dược phẩm, dược liệu	23,14%	23,14%	23,14%	23,14%
Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	26 Hàn Thuyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất kinh doanh hóa dược, dược phẩm, dược liệu	-	39,48%	-	39,48%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 595 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 533 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

15

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

16

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tập đoàn đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

17

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

18

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

19

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Tập chủ yếu là tiền thuê đất trả trước, công cụ dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng tại Khu công nghiệp Tân Tạo – TP. Hồ Chí Minh. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (46 năm). Trong năm Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ quyền thuê đất và tài sản cố định trên đất này.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	05 - 40

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

20

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 35 năm đến 50 năm, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

21

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày năm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tồn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

22

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**16. Vốn chủ sở hữu****Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/ như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

23

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động**

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Tiền bản quyền

Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng chuyển giao bản quyền.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

24

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

25

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

25. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng từ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

26

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	4.262.806.469	5.747.204.757
Tiền gửi ngân hàng	43.162.478.021	24.680.842.053
Tiền đang chuyển	-	51.619.956
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) ⁽ⁱ⁾	20.741.911.701	10.055.000.000
Cộng	68.167.196.191	40.534.666.766

⁽ⁱ⁾ Trong đó, khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng với số tiền là 6.532.000.000 VND (số đầu năm là 55.000.000 VND) đã được dùng để bảo đảm cho các hợp đồng cấp bảo lãnh thực hiện hợp đồng và các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (xem thuyết minh số V.20).

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm: chứng khoán kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

Trong năm Tập đoàn đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng 500.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phương Đông với giá bán là 36.000 VND/cổ phiếu theo Nghị quyết không số của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre ngày 20 tháng 9 năm 2017.

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	37.416.890.037	37.416.890.037	3.010.850.000	3.010.850.000
Tiền gửi có kỳ hạn ⁽ⁱ⁾	22.416.890.037	22.416.890.037	3.010.850.000	3.010.850.000
Trái phiếu ⁽ⁱⁱ⁾	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-
Dài hạn	138.000.000	138.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn ⁽ⁱ⁾	138.000.000	138.000.000	-	-
Cộng	37.554.890.037	37.554.890.037	3.010.850.000	3.010.850.000

⁽ⁱ⁾ Trong đó, các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng với số tiền là 17.338.971.861 VND (số đầu năm là 3.010.850.000 VND) đã được cầm cố tại để bảo đảm cho các hợp đồng cấp bảo lãnh thực hiện hợp đồng của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre.

⁽ⁱⁱ⁾ Trong năm Tập đoàn đã mua 1.500 trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam với giá mua là 15.000.000.000 VND theo Nghị quyết không số của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre ngày 17 tháng 10 năm 2017. Số lượng trái phiếu này được cầm cố để bảo đảm cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (xem thuyết minh số V.20).

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2c. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha ⁽ⁱ⁾	48.108.225.000	6.250.321.678	54.358.546.678	48.108.225.000	1.028.746.981	49.136.971.981
Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang ⁽ⁱⁱ⁾	-	-	-	20.673.508.000	(6.356.164)	20.667.151.836
Cộng	48.108.225.000	6.250.321.678	54.358.546.678	68.781.733.000	1.022.390.817	69.804.123.817

⁽ⁱ⁾ Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn nắm giữ 4.226.950 cổ phiếu, tương đương 23,14% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha (số đầu năm là 4.226.950 cổ phiếu, tương đương 23,14% vốn điều lệ).

⁽ⁱⁱ⁾ Trong năm, Tập đoàn đã được quyền mua thêm 3.000.000 cổ phiếu (phân phối theo tỷ lệ 1:1 cho cổ đông hiện hữu) với giá mua là 10.000 VND/cổ phiếu để nâng tỷ lệ sở hữu từ 39,48% lên 51%. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn nắm giữ 4.366.680 cổ phiếu, tương đương 51% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang (số đầu năm là 1.366.680 cổ phiếu, tương đương 39,48%).

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm	Chuyển sang khoản đầu tư vào Công ty con	Các khoản khác ^(*)	Giá trị phần sở hữu cuối năm
	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	49.136.971.981	6.551.028.756	(2.958.539.525)	-	1.629.085.466
Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	20.667.151.836	6.356.164	-	(20.673.508.000)	-	-
Cộng	69.804.123.817	6.557.384.920	(2.958.539.525)	(20.673.508.000)	1.629.085.466	54.358.546.678

^(*) Hợp nhất cơ sở kinh doanh tại Lào của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha.

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha bắt đầu đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ đầu năm 2016 và đang hoạt động kinh doanh bình thường.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha như sau:

	Năm nay	Năm trước
Mua hàng hóa	1.407.960.662	3.310.311.749
Bán hàng hóa	1.244.490.452	-
Nhận lãi góp vốn được chia	2.958.539.525	2.958.865.000

Khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh

Tập đoàn đã dùng toàn bộ khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (xem thuyết minh số V.20).

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt Nam	-	-	130.000.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trà Vinh	66.710.000	-	66.710.000	-
Công ty Cổ phần sách và dịch vụ văn hóa Long An	3.663.104.000	-	3.663.104.000	-
Cộng	3.729.814.000	-	3.859.814.000	-

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	396.973.378	-	-	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	396.973.378	-	-	-
Phải thu các khách hàng khác	144.580.322.312	-	129.794.987.052	-
Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu Bến Tre	10.878.347.979	-	5.975.394.671	-
Ông Phí Văn Gừng ⁽¹⁾	6.300.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Nhật Trường Vinh ⁽¹⁾	4.250.000.000	-	-	-
Trung tâm Y tế Huyện Văn Chấn	763.546.142	-	5.238.729.577	-
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Yên Bái	2.860.607.734	-	3.304.302.621	-
Các khách hàng khác	119.527.820.457	-	115.276.560.183	-
Cộng	144.977.295.690	-	129.794.987.052	-

⁽¹⁾ Các khoản phải thu liên quan đến hoạt động chuyển nhượng kho tại Khu công nghiệp Tân Tạo – TP. Hồ Chí Minh và nhà văn phòng tại TP. Hồ Chí Minh.

Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng là bộ phận của quyền tài sản luân chuyển phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh đã được thế chấp để làm đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre với giá trị tối thiểu là 70 tỷ VND (xem thuyết minh số V.20).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Xây dựng Khang Phạm ⁽¹⁾	2.571.289.788	-	-	-
Tổng Công ty Máy Nhà Bè – CTCP	-	-	319.302.390	-
Các nhà cung cấp khác ⁽¹⁾	1.159.556.372	-	490.538.249	-
Cộng	3.730.846.160	-	809.840.639	-

⁽¹⁾ Khoản trả trước cho người bán liên quan mua sắm tài sản cố định tại thời điểm cuối năm là 2.892.049.788 VND (số đầu năm là 0 VND).

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

29

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	707.660.036	-	734.280.047	-
Thành viên HĐQT - Thuế TNCN chi hộ	125.588.791	-	180.648.241	-
Thành viên Ban Tổng Giám đốc - Tạm ứng	100.000.000	-	100.000.000	-
Thành viên Ban Tổng Giám đốc - Thuế TNCN chi hộ	482.071.245	-	453.631.806	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	8.658.932.231	-	8.101.939.959	-
Tạm ứng	1.659.322.622	-	2.050.957.252	-
Tiền lãi ngân hàng dự thu	165.163.470	-	-	-
Tiền ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng ⁽¹⁾	5.643.249.638	-	5.437.574.509	-
Các khoản chi hộ - Thuế Thu nhập cá nhân	997.872.838	-	611.634.347	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	67.002.163	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	126.321.500	-	1.773.851	-
Cộng	9.366.592.267	-	8.836.220.006	-

⁽¹⁾ Các khoản tiền ký quỹ ngắn hạn của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam để bảo đảm cho các Hợp đồng bảo lãnh thực hiện hợp đồng cung cấp thuốc cho các Bệnh viện và các khách hàng.**5b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tiền ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	1.803.941.441	-	-	-
Tiền góp vốn vào Quỹ bảo lãnh tín dụng tỉnh Yên Bái	100.000.000	-	100.000.000	-
Ký quỹ bồi thường giải phóng mặt bằng	238.221.000	-	230.000.000	-
Cộng	2.142.162.441	-	330.000.000	-

6. Nợ quá hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Thời gian quá hạn	44.987.586.618	44.987.586.618	25.822.622.481	25.822.622.481
Dưới 6 tháng	2.226.067.651	2.226.067.651	2.558.862.573	2.558.862.573
Từ 6 tháng đến 1 năm	1.578.977.036	1.578.977.036	651.986.832	651.986.832
Từ 1 năm đến dưới 3 năm	1.140.198.530	1.140.198.530	-	-
Trên 3 năm	225.447.480	-	260.967.881	-
Cộng	50.158.277.315	49.932.829.835	29.294.439.767	29.033.471.886

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

30

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	260.967.881	410.785.053
Hoàn nhập dự phòng	(35.520.401)	(149.817.172)
Số cuối năm	225.447.480	260.967.881

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Hàng mua đang đi trên đường	20.953.353.027	-	12.668.938.104	-	
Nguyên liệu, vật liệu	11.712.178.437	-	7.852.531.744	-	
Công cụ, dụng cụ	23.953.369	-	433.195.737	-	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.590.816.765	-	1.649.419.822	-	
Thành phẩm	5.100.247.829	-	1.675.483.359	-	
Hàng hóa ⁽ⁱ⁾	141.942.454.333	(905.034.484)	155.823.167.167	(1.165.168.480)	
Cộng	181.323.003.760	(905.034.484)	180.102.735.933	(1.165.168.480)	

⁽ⁱ⁾ Trong đó, giá trị hàng hóa tồn kho (thuộc các loại) gần hết hạn sử dụng khó tiêu thụ tại ngày kết thúc năm tài chính là 1.187.483.136 VND (số đầu năm là 3.641.420.892 VND).

Toàn bộ hàng hóa tồn kho là dược phẩm các loại luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh với giá trị tối thiểu là 150 tỷ VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (xem thuyết minh số V.20).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.165.168.480	3.364.646.496
Trích lập dự phòng bổ sung	436.633.563	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(2.199.478.016)
Xuất hủy trong năm	696.767.559	-
Số cuối năm	905.034.484	1.165.168.480

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	530.586.251	803.596.441
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng	127.789.148	204.824.040
Chi phí bảo hiểm	14.939.100	15.609.635
Cộng	673.314.499	1.024.030.116

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.372.439.609	660.401.767
Chi phí thuê đất ⁽ⁱ⁾	-	2.952.842.614
Chi phí thi công, cải tạo, sửa chữa văn phòng	4.014.865.664	826.946.397
Cộng	5.387.305.273	4.440.190.778

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

⁽ⁱ⁾ Trong năm, Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ quyền thuê đất và tài sản cố định trên đất này theo các Nghị quyết không số của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre ngày 05 tháng 6 năm 2017 và ngày 17 tháng 10 năm 2017 về việc chuyển nhượng kho tại Khu công nghiệp Tân Tạo – TP. Hồ Chí Minh và chuyển nhượng nhà văn phòng tại TP. Hồ Chí Minh.

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	61.653.030.645	28.410.283.040	9.694.291.872	8.243.290.978	108.000.896.535
Mua trong năm	-	2.839.443.817	2.019.137.545	-	4.858.581.362
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	286.730.000	1.088.067.272	-	-	1.374.797.272
Tăng do hợp nhất kinh doanh	30.572.461.256	23.687.545.726	1.598.536.500	-	55.858.543.482
Thanh lý trong năm	(11.737.895.075)	(103.000.000)	-	-	(11.840.895.075)
Số cuối năm	80.774.326.826	55.922.339.855	13.311.965.917	8.243.290.978	158.251.923.576
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.059.980.705	6.611.719.246	1.343.616.753	1.425.608.983	11.440.925.687
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	20.658.090.226	17.063.666.921	5.135.087.234	5.320.747.352	48.177.591.733
Tăng do hợp nhất kinh doanh	7.499.676.483	11.219.623.244	260.291.561	-	18.999.591.288
Khấu hao trong năm	4.028.149.462	4.496.246.968	1.267.292.426	941.913.519	10.733.602.375
Thanh lý trong năm	(7.875.143.021)	(70.877.527)	-	-	(7.946.020.548)
Số cuối năm	24.310.773.150	32.728.659.606	6.662.671.221	6.262.660.871	69.964.764.848
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	40.994.940.419	11.346.616.119	4.559.204.638	2.922.543.626	59.823.304.802
Số cuối năm	56.463.553.676	23.193.680.249	6.649.294.696	1.980.630.107	88.287.158.728
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 25.776.904.712 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Yên Bái (xem thuyết minh số V.20).

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	5.234.046.000	1.736.545.320	6.970.591.320
Số cuối năm	5.234.046.000	1.736.545.320	6.970.591.320
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	657.318.794	322.145.469	979.464.263
Khấu hao trong năm	94.541.975	333.834.135	428.376.110
Số cuối năm	751.860.769	655.979.604	1.407.840.373

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	4.576.727.206	1.414.399.851	5.991.127.057
Số cuối năm	4.482.185.231	1.080.565.716	5.562.750.947
Trong đó:			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ xử lý	-	-	-

Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (xem thuyết minh số V.20).

11. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá	
Số đầu năm	52.826.363
Số cuối năm	52.826.363
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	52.826.363
Số cuối năm	52.826.363
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	-

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn là giá trị quyền sử dụng đất tại số 19 đường Đồng Khởi, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Theo qui định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần được trình bày. Tuy nhiên, Tập đoàn hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Số đầu năm	Tăng do hợp nhất kinh doanh	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	Số cuối năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-	272.128.976	272.128.976
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến lãi của giao dịch bán hàng nội bộ trong Tập đoàn	-	775.767.175	-	775.767.175
Cộng	-	775.767.175	272.128.976	1.047.896.151

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

33

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Lợi thế thương mại

	Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	3.284.615.191	-	3.284.615.191
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	4.309.280.504	4.309.280.504
Số cuối năm	3.284.615.191	4.309.280.504	7.593.895.695
Số đã phân bổ			
Số đầu năm	82.115.380	-	82.115.380
Phân bổ trong năm	328.461.519	287.285.367	615.746.886
Số cuối năm	410.576.899	287.285.367	697.862.266
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	3.202.499.811	-	3.202.499.811
Số cuối năm	2.874.038.292	4.021.995.137	6.896.033.429

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	499.833.865
Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	-	84.860.964
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	-	414.972.901
Phải trả các nhà cung cấp khác	129.648.717.988	147.995.426.165
Công ty liên doanh Meyer – BPC	3.250.069.893	8.164.969.390
Meditop Pharmaceutical Ltd.	-	5.879.038.303
Chemical Works of Gedeon Richter Ltd.	61.096.844.789	54.906.471.294
Các nhà cung cấp khác	65.301.803.306	79.044.947.178
Cộng	129.648.717.988	148.495.260.030

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bệnh viện Đa khoa huyện Hồng Ngự	-	16.554.655
Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt Đức	-	150.320.733
Công ty Cổ phần Dược An Hồng	90.769.003	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dược phẩm Hưng Việt	82.000.000	-
Công ty TNHH Innovacare Việt Nam	95.592.000	-
Các khách hàng khác	82.859.956	205.363.170
Cộng	351.220.959	372.238.558

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

34

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Thuốc chữa bệnh, vật tư y tế	5%
- Dịch vụ và hàng hóa khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh tại từng công ty trong Tập đoàn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	7.404.668.114	6.521.629.732
Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	155.089.502	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	63.622.358	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm OC	-	-
Cộng	7.623.379.974	6.521.629.732

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuế đất

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí khuyến mãi, quảng cáo	3.079.694.878	1.963.216.345
Lãi hợp tác kinh doanh phải trả	-	188.869.863
Chi phí dịch vụ mua ngoài	630.617.828	356.764.855
Cộng	3.710.312.706	2.508.851.063

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

35

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**19. Phải trả khác****19a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ giải quyết	43.325.179	43.325.179
Kinh phí công đoàn	133.587.781	108.709.254
Bảo hiểm xã hội	126.054.897	129.519.540
Thuế TNCN thường xuyên và không thường xuyên thu hộ	42.516.504	75.976.037
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	330.307.350	292.203.350
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	49.000.000
Phải trả tiền giải phóng mặt bằng	238.221.000	194.779.000
Tổng Công ty ty Dược Việt Nam - Tiền hợp tác kinh doanh được phẩm	-	10.000.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	379.790.236	79.487.999
Cộng	1.293.802.947	10.973.000.359

19b. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

19c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

20. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn bên liên quan	-	3.390.000.000
Vay của Tổng Giám đốc Công ty	-	3.390.000.000
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	219.922.901.249	193.691.428.468
Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre ⁽ⁱ⁾	209.521.763.079	181.009.653.087
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Yên Bái ⁽ⁱⁱ⁾	3.202.701.533	5.091.838.744
Vay ngắn hạn các cá nhân ⁽ⁱⁱⁱ⁾	7.198.436.637	7.522.436.637
Vay dài hạn đến hạn trả	-	67.500.000
Cộng	219.922.901.249	197.081.428.468

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh được phẩm với lãi suất theo thực tế tại thời điểm nhận nợ, thời hạn vay không quá 7 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố một số khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu tại Ngân hàng này (xem các thuyết minh số V.1 và V.2b), thế chấp cổ phiếu của các khoản đầu tư dài hạn (xem thuyết minh số V.2c), quyền phải thu đối với các khoản phải thu khách hàng (xem thuyết minh số V.3), toàn bộ hàng hóa tồn kho là được phẩm các loại luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh (xem thuyết minh số V.7), một số nhà xưởng, máy móc, thiết bị và toàn bộ quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Tập đoàn (xem thuyết minh số V.9 và V.10).

⁽ⁱⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Yên Bái để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh được phẩm với lãi suất cố định là 6,2%/năm, thời hạn vay 04 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà xưởng, nhà văn phòng và máy móc thiết bị (xem thuyết minh số V.9).

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

36

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(iii) Vay không có tài sản đảm bảo cán bộ nhân viên và các cá nhân khác để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh được phân với lãi suất ngân hàng thương mại công bố tại thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 6 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Tăng do hợp nhất kinh doanh	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	186.101.491.831	570.254.815.413	13.474.699.231	(557.106.541.863)	212.724.464.612
Vay ngắn hạn các cá nhân	10.912.436.637	1.965.000.000	-	(5.679.000.000)	7.198.436.637
Vay dài hạn đến hạn trả	67.500.000	-	2.000.000.000	(2.067.500.000)	-
Cộng	197.081.428.468	572.219.815.413	15.474.699.231	(564.853.041.863)	219.922.901.249

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.009.588.167	447.339.874
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	1.510.686.755	1.110.159.654
Tăng do hợp nhất kinh doanh	5.294.349	756.712.576
Chi quỹ	(899.545.000)	(304.623.937)
Số cuối năm	2.626.024.271	2.009.588.167

Quỹ khen thưởng, phúc lợi chỉ vượt nguồn tại Công ty con được trình bày ở khoản mục "Các khoản phải thu ngắn hạn khác" (xem thuyết minh số V.5a).

22. Vốn chủ sở hữu**22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thiết bị Ngân hàng Tiên Phong	61.380.000.000	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Ngân Hàng	1.804.550.000	39.600.000.000
Các tổ chức và cá nhân khác	59.960.390.000	37.398.080.000
Cộng	123.144.940.000	76.998.080.000

Trong năm, Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre đã phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu bằng cổ phiếu tương đương 15% vốn điều lệ theo tỷ lệ 20:3 (cổ đông hiện hữu sở hữu 20 cổ phần được nhận 3 cổ phiếu phát hành thêm) theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01/17/NQ-ĐHCD ngày 28 tháng 4 năm 2017. Trên cơ sở đó, Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre đã ghi nhận tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu và giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với cùng một khoản tiền là 11.548.570.000 VND.

Cũng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/17/NQ-ĐHCD ngày 28 tháng 4 năm 2017, Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre đã phát hành thêm 3.459.829 cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông hiện hữu và các đối tác tiềm năng để bổ sung nguồn vốn kinh doanh. Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước chấp thuận về việc phát hành cổ phiếu bổ sung theo công văn số 1066/UBCK-QLCB ngày 01 tháng 3 năm 2017.

Ngoài ra, Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 13 ngày 18 tháng 4 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 123.144.940.000 VND.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

37

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**22c. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.314.494	7.699.808
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.314.494	7.699.808
- Cổ phiếu phổ thông	12.314.494	7.699.808
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.314.494	7.699.808
- Cổ phiếu phổ thông	12.314.494	7.699.808
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01/17/NQ-ĐHCD ngày 28 tháng 4 năm 2017 như sau:

	Số tiền (VND)
• Chia cổ tức lần 2 năm 2015 cho các cổ đông bằng cổ phiếu tương đương 15% vốn điều lệ, theo tỷ lệ 20:3	11.548.570.000
• Chia cổ tức năm 2016 cho các cổ đông bằng tiền	12.314.494.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.293.176.025

23. Nguồn kinh phí

Kinh phí lập từ thuốc dự phòng.

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**24a. Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	73.960,28	372,44
Euro (EUR)	201,77	293,24

24b. Nợ khó đòi đã xử lý

Khoản nợ phải thu ông Huỳnh Lê Duy Việt – Kế toán trưởng chi nhánh Đà Nẵng của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre với số tiền là 5.283.260.500 VND đã được xóa sổ do đương sự đang thụ án, không có khả năng trả nợ.

VI. THỌNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	763.894.159.148	573.864.131.744
Doanh thu bán thành phẩm	45.168.832.875	8.460.639.916
Doanh thu cung cấp dịch vụ	89.998.849	35.145.354
Doanh thu cho thuê mặt bằng	490.909.090	24.545.457
Doanh thu khác	-	2.672.236.911
Cộng	809.643.899.962	585.056.699.382

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

38

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c. Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	6.752.783.055	2.717.458.379
Hàng bán bị trả lại	2.594.066.856	1.737.114.847
Giảm giá hàng bán	183.484.113	85.029.029
Cộng	9.530.334.024	4.539.602.255

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	590.391.846.058	435.843.247.053
Giá vốn của thành phẩm đã bán	17.286.743.481	3.516.072.757
Các khoản chi phí vượt mức bình thường khác được tính trực tiếp vào giá vốn	3.527.887.448	2.753.900.625
Giá trị hàng tồn kho bị hư hỏng, hết hạn, xuất hủy	2.580.291.566	-
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	436.633.563	(2.199.478.016)
Cộng	614.223.402.116	439.913.742.419

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.516.917.196	283.508.552
Cổ tức, lợi nhuận được chia	307.273.000	346.220.600
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.249.543.628	1.495.346.804
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	1.145.855.145
Chiết khấu thanh toán	514.420.185	-
Lợi nhuận từ hoạt động hợp tác kinh doanh	587.539.000	-
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	1.970.000.000	18.130.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	9.505.960	540.858.463
Cộng	6.155.198.969	3.829.919.564

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	11.177.529.770	9.809.841.199
Lãi hợp tác kinh doanh phải trả	262.730.137	-
Phí trả nợ trước hạn	187.974.482	-
Chiết khấu thanh toán cho người mua	520.253.185	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	9.869.666.347	1.731.875.212
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	566.947.569	-
Lỗ từ hoạt động mua lại công ty con	4.273.348.000	2.047.251.580
Chi phí tài chính khác	41.502.333	45.189.786
Cộng	26.899.951.823	13.634.157.777

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

39

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	59.331.739.041	44.388.656.411
Chi phí vật liệu, bao bì	246.784.866	706.987.361
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.609.636.333	2.415.088.133
Chi phí khuyến mãi	12.215.037.248	2.561.056.832
Các chi phí khác	19.710.481.054	17.560.976.613
Cộng	94.113.678.542	67.632.765.350

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	37.266.372.388	26.390.434.651
Chi phí vật liệu quản lý	550.518.357	765.543.265
Chi phí đồ dùng văn phòng	90.117.929	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.518.004.957	574.428.179
Thuế, phí và lệ phí	476.403.551	730.239.053
(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(35.520.401)	(149.817.172)
Lợi thế thương mại phân bổ	615.746.886	82.115.380
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.668.770.911	10.063.938.362
Các chi phí khác	8.519.241.451	1.725.777.121
Cộng	60.669.656.029	40.182.658.839

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	18.465.346.521	-
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	100.259.496	-
Hàng khuyến mãi	290.481.868	329.572.198
Chênh lệch thừa kiểm kê	9.823.867	10.005.332
Thu từ thuê nhà, thuê kho, nhân công và bảo vệ	132.825.081	157.222.196
Các khoản nợ không còn phải trả	213.974.145	1.858.084.400
Nhận tài trợ từ nhà cung cấp	280.000.000	-
Thu nhập khác	2.483.241.758	1.221.842.994
Cộng	21.975.952.736	3.576.727.120

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Phạt do vi phạm hợp đồng	99.726.027	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	36.112.543	-
Chi phí khác	3.937.888.933	3.055.074
Cộng	4.073.727.503	3.055.074

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

40

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Lãi trên cổ phiếu****10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	28.736.514.984	23.661.915.325
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính	(1.436.825.749)	(1.293.176.025)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	27.299.689.235	22.368.739.300
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	11.613.072	8.854.779
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.351	2.526

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	7.699.808	7.699.808
Ảnh hưởng của cổ phiếu thưởng phát hành thành công vào ngày 12 tháng 02 năm 2017 đã tính vào lãi cơ bản/suy giảm năm trước	1.154.971	1.154.971
Ảnh hưởng của cổ phiếu thưởng phát hành thành công ngày 15 tháng 3 năm 2017	2.758.293	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	11.613.072	8.854.779

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	34.300.457.668	3.803.489.062
Chi phí nhân công	105.374.262.261	74.492.897.061
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.161.978.485	4.540.572.103
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.806.086.572	12.931.807.704
Chi phí khác	28.965.406.477	19.945.825.952
Cộng	206.608.191.463	115.714.591.882

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Tài sản cho thuê hoạt động**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	490.909.091	490.909.091
Trên 1 năm đến 5 năm	1.243.636.364	1.734.545.455
Cộng	1.734.545.455	2.225.454.546

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

41

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Ban điều hành:

	Năm nay	Năm trước
Vay ngắn hạn	510.000.000	7.700.000.000
Lãi vay phải trả	165.925.000	244.212.500

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.5a và V.20.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	2.022.133.119	2.525.037.618
Phụ cấp	1.278.000.000	799.000.000
Tiền thưởng	3.770.081.697	1.800.443.500
Cộng	7.070.214.816	5.124.481.118

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Thiết bị Ngân hàng Tiên Phong	Cổ đông nắm giữ 49,84% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3 và V.14.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào khác được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

42

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Thông tin về bộ phận**

Tập đoàn hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh dược phẩm trong một khu vực địa lý là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Tất cả sản phẩm do Tập đoàn sản xuất và thu mua đều được bán sỉ và bán lẻ cho các bệnh viện, trung tâm y tế, các tổ chức và cá nhân khác thông qua phòng kinh doanh, hệ thống chi nhánh, cửa hàng kinh doanh của Tập đoàn.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	68.167.196.191	-	-	68.167.196.191
Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	37.416.890.037	-	-	37.416.890.037
Phải thu khách hàng	94.819.018.375	49.932.829.835	225.447.480	144.977.295.690
Các khoản phải thu khác	8.076.897.049	-	-	8.076.897.049
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	3.729.814.000	-	-	3.729.814.000
Cộng	212.209.815.652	49.932.829.835	225.447.480	262.368.092.967

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

43

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.534.666.766	-	-	40.534.666.766
Chứng khoán kinh doanh	18.000.000.000	-	-	18.000.000.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.010.850.000	-	-	3.010.850.000
Phải thu khách hàng	100.500.547.285	29.033.471.886	260.967.881	129.794.987.052
Các khoản phải thu khác	5.767.574.509	-	-	5.767.574.509
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	3.859.814.000	-	-	3.859.814.000
Cộng	171.673.452.560	29.033.471.886	260.967.881	200.967.892.327

Chi tiết thời gian quá hạn của Phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quá hạn dưới 6 tháng	44.987.586.618	25.822.622.481
Quá hạn trên 6 tháng đến dưới 1 năm	2.226.067.651	2.558.862.573
Quá hạn trên 1 năm đến dưới 2 năm	1.578.977.036	651.986.832
Quá hạn trên 2 năm đến 3 năm	1.140.198.530	-
Cộng	49.932.829.835	29.033.471.886

4b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng là từ 1 năm trở xuống. Giá trị ghi sổ của các khoản nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	129.648.717.988	148.495.260.030
Vay và nợ	219.922.901.249	197.081.428.468
Các khoản phải trả khác	4.757.631.292	13.216.007.803
Cộng	354.329.250.529	358.792.696.301

Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

44

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn nhập khẩu được phẩm phục vụ cho hoạt động kinh doanh với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tập đoàn không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	73.758,09	201,77	372,44	293,24
Phải trả người bán	(2.237.160,19)	(446.875,92)	(372.434,22)	(2.285.864,75)
Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ	(2.163.402,10)	(446.674,15)	(372.061,78)	(2.285.571,51)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

45

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty chỉ có các khoản vay với lãi suất thả nổi tại ngày kết thúc năm tài chính là 216.720.199.716 VND (số đầu năm là 191.989.589.724 VND).

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 4.334.403.994 VND (năm trước giảm/tăng 3.839.791.794 VND).

Rủi ro về giá hàng hóa

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

4d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	6.532.000.000	-	55.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng	17.201.971.861	-	3.010.850.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm	138.000.000	-	-	-
Chứng khoán kinh doanh	-	-	18.000.000.000	-
Tiền ký quỹ tại Ngân hàng và các tổ chức khác	7.447.191.079	-	5.437.574.509	-
Khoản phải thu khách hàng	127.820.738.477	-	129.794.987.052	-
Cộng	159.139.901.417	-	156.298.411.561	-

Tập đoàn sẽ được giải chấp các tài sản cầm cố, thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	68.167.196.191	-	40.534.666.766	-
Chứng khoán kinh doanh	-	-	18.000.000.000	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	37.416.890.037	-	3.010.850.000	-
Phải thu khách hàng	144.977.295.690	(225.447.480)	129.794.987.052	(260.967.881)
Các khoản phải thu khác	8.076.897.049	-	5.767.574.509	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	3.729.814.000	-	3.859.814.000	-
Cộng	262.368.092.967	(225.447.480)	200.967.892.327	(260.967.881)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

46

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre
ĐÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	129.648.717.988	148.495.260.030
Vay và nợ	219.922.901.249	197.081.428.468
Các khoản phải trả khác	4.757.631.292	13.216.007.803
Cộng	354.329.250.529	358.792.696.301

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyễn Thanh Trúc
Người lập biểu

Nguyễn Văn Chí Cường
Kế toán trưởng

Bến Tre, ngày 12 tháng 3 năm 2018



Võ Minh Tân
Tổng Giám đốc

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

47

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

ĐÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Phụ lục 01: Chi tiết thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	3.646.271.030	(3.139.130.837)	507.140.193	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	14.572.945.614	(14.578.460.941)	-	5.515.327
Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.922.904	256.480.221	(253.557.317)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	798.666.336	64.703.120	7.623.379.974	(8.026.043.512)	383.672.017	1.080.760
Thuế thu nhập cá nhân	1.592.980.927	-	3.875.096.093	(5.099.597.127)	364.304.112	-
Thuế nhà đất	-	-	458.441.235	(458.441.235)	-	-
Tiền thuế đất	-	-	450.983.673	(450.983.673)	-	-
Các khoản thuế khác	-	-	16.500.000	(16.500.000)	-	-
Cộng	2.391.647.263	67.626.024	30.900.097.840	(32.022.714.642)	1.255.116.322	6.596.080

Đơn vị tính: VND

Nguyễn Thanh Trúc
Người lập

Nguyễn Văn Chí Cường
Kế toán trưởng



Võ Minh Tân
Tổng Giám đốc

48

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TREĐịa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND						
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	76.998.080.000	538.056.160	8.876.126.506	2.536.822.093	24.841.083.136	-	113.790.167.895
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	23.661.915.324	355.075.113	24.016.990.437
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	-	(1.110.159.655)	-	(1.110.159.655)
Thu khác	-	-	-	-	(18.000.000)	-	(18.000.000)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu trong năm trước	-	-	-	-	(7.699.808.000)	-	(7.699.808.000)
Các khoản điều chỉnh do hợp nhất	-	-	-	-	-	30.235.048.807	30.235.048.807
Số dư cuối năm trước	76.998.080.000	538.056.160	8.876.126.506	2.536.822.093	39.675.030.805	30.590.123.920	159.214.239.484
Số dư đầu năm nay	76.998.080.000	538.056.160	8.876.126.506	2.536.822.093	39.675.030.805	30.590.123.920	159.214.239.484
Chia cổ tức bằng cổ phiếu trong năm nay	11.548.570.000	-	-	-	(11.548.570.000)	-	34.598.290.000
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền trong năm	34.598.290.000	-	-	-	28.736.514.984	(490.312.257)	28.246.202.727
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	(1.397.032.738)	(113.654.017)	(1.510.686.755)
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	-	(12.314.494.000)	-	(12.314.494.000)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	(254.413.133)	(236.258.290)	(490.671.423)
Các khoản điều chỉnh do hợp nhất	-	-	-	-	2.222.187.830	40.308.130.878	42.530.318.708
Số dư cuối năm nay	123.144.940.000	538.056.160	8.876.126.506	2.536.822.093	45.119.223.748	70.058.030.234	250.273.198.741

Nguyễn Thanh Trúc
Người lậpNguyễn Văn Chí Cường
Kế toán trưởng

Bến Tre, ngày 12 tháng 3 năm 2018

Võ Minh Tân
Tổng Giám đốc**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE****BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017**Bến Tre, ngày 11 tháng 04 năm 2018
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬTTỔNG GIÁM ĐỐC
DS Võ Minh Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3, Quốc lộ 60, phường Tân Phú, Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Số điện thoại: (0275) 390 0059

Website: www.bepharco.com